

Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 20/10/2021



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
binhtth@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;

Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
47/GP-XBBT ngày 19/8/2021

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	10
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	15
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	19
THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẮN	22
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	25
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	29
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	33

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ **Cao su:** Nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc có xu hướng chậm lại khi giảm tháng thứ tư liên tiếp vào tháng 9/2021.
- ▶ **Cà phê:** Giữa tháng 10/2021, giá cà phê thế giới tiếp tục xu hướng tăng, song tốc độ đã chậm lại. Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Bra-xin (Cecafé), xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 9/2021 đạt 3,1 triệu bao (bao 60 kg), giảm 26,5% so với tháng 9/2020. Lũy kế 3 tháng đầu niên vụ 2021/2022, xuất khẩu cà phê của Bra-xin đạt 8.817 triệu bao, giảm 20,2% so với 3 tháng đầu niên vụ 2020/2021.
- ▶ **Hạt điều:** Theo Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, nhập khẩu hạt điều của nước này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 560,2 nghìn tấn, trị giá 696,58 triệu USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- ▶ **Rau quả:** Mùa vụ chanh tươi của Trung Quốc bắt đầu từ giữa tháng 9/2021, tuy nhiên sản lượng dự kiến giảm 30% do thời tiết khắc nghiệt. Xuất khẩu chanh của Trung Quốc có xu hướng giảm do nhu cầu thị trường giảm và chi phí vận chuyển tăng cao. Trị giá xuất khẩu sầu riêng của Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi trong 5 năm qua, đạt 34,7 triệu USD trong năm 2020, tăng 107% so với năm 2016.
- ▶ **Sắn và sản phẩm từ sắn:** Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá sắn và tinh bột sắn tại Thái Lan được giữ ổn định so với 10 ngày trước đó. Trong 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sắn lát khô và tinh bột sắn của Trung Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.
- ▶ **Thủy sản:** Tiêu thụ thủy sản trong tổng tỷ trọng tiêu thụ protein động vật tại Trung Quốc tăng từ 23% lên 30% do tiêu thụ thịt lợn và thịt bò của người tiêu dùng Trung Quốc giảm nhiều hơn. Trong đó, tôm và cá tra chế biến ngày càng phù hợp với lối sống bận rộn của người tiêu dùng Trung Quốc. Theo Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Đánh cá Ác-hen-ti-na, sản lượng tôm đỏ đánh bắt của nước này tháng 9/2021 đạt 21.485 tấn, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước. Giá tôm nguyên liệu của Ê-cu-a-đo trong tuần 41 (tuần từ 4 – 10/10/2021) tiếp tục ổn định so với những tuần trước đó.
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Để giảm thiểu các vấn đề về chuỗi cung ứng toàn cầu và chi phí vận chuyển tăng, IKEA tập đoàn nội thất lớn của Thụy Điển có kế hoạch chuyển nhiều hoạt động sản xuất hơn sang Thổ Nhĩ Kỳ. Xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ý trong nửa đầu năm 2021 đạt 3,2 tỷ USD, tăng 61,2% so với cùng kỳ năm 2020.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

▶ **Cao su:** Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước tăng trở lại. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cao su đạt 180,68 nghìn tấn, trị giá 299,03 triệu USD, giảm 4,8% về lượng và giảm 4% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 giảm 12% về lượng, nhưng tăng 12,9% về trị giá. Tháng 9/2021, trong khi xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc giảm thì xuất khẩu sang một số thị trường tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng từ 6,8% trong 9 tháng năm 2020 lên 7,5% trong 9 tháng năm 2021.

▶ **Cà phê:** Giá cà phê Robusta trong nước biến động theo xu hướng tăng trước thềm vụ thu hoạch mới. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 10,2% về lượng và giảm 6,6% về trị giá so với tháng 8/2021, so với tháng 9/2020 tăng 0,6% về lượng và tăng 11,7% về trị giá, đạt 100,34 nghìn tấn, trị giá 210 triệu USD. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Tây Ban Nha trong 7 tháng đầu năm 2021 giảm.

▶ **Hạt điều:** Xuất khẩu hạt điều tháng 9/2021 giảm nhẹ về lượng so với tháng 9/2020, nhưng tăng về trị giá. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hà Lan 7 tháng đầu năm 2021 tăng so với 7 tháng đầu năm 2020.

▶ **Rau quả:** Trong 9 tháng năm 2021, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt 2,75 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần quả xoài của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng.

▶ **Sắn và sản phẩm từ sắn:** Nguồn sắn lát tồn kho vụ 2020/21 của Việt Nam còn rất ít. Mặc dù giá nội địa giảm nhẹ, nhưng vẫn ở mức khá thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh sắn lát. Giá xuất khẩu bình quân sắn và các sản phẩm từ sắn ở mức 441 USD/tấn, giảm 0,7% so với tháng 8/2021, nhưng tăng 11,6% so với tháng 9/2020.

▶ **Thủy sản:** Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đã có dấu hiệu cải thiện kể từ cuối tháng 9/2021 khi tình hình dịch bệnh tại các tỉnh phía Nam dần được kiểm soát và các địa phương nới lỏng giãn cách xã hội. Thị phần tôm Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 7,3% trong 8 tháng đầu năm 2020 lên 8,8% trong 8 tháng đầu năm 2021.

▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Trong 9 tháng năm 2021, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 11,11 tỷ USD, tăng 30,6% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ.



THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá cao su tại thị trường châu Á phục hồi nhẹ.
- ▶ Nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc có xu hướng chậm lại khi giảm tháng thứ tư liên tiếp (so với cùng kỳ năm 2020) vào tháng 9/2021.
- ▶ 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước tăng trở lại.
- ▶ Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cao su đạt 180,68 nghìn tấn, trị giá 299,03 triệu USD, giảm 4,8% về lượng và giảm 4% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 giảm 12% về lượng, nhưng tăng 12,9% về trị giá.
- ▶ Tháng 9/2021, trong khi xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc giảm, thì xuất khẩu sang một số thị trường tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng từ 6,8% trong 9 tháng năm 2020, lên 7,5% trong 9 tháng năm 2021.



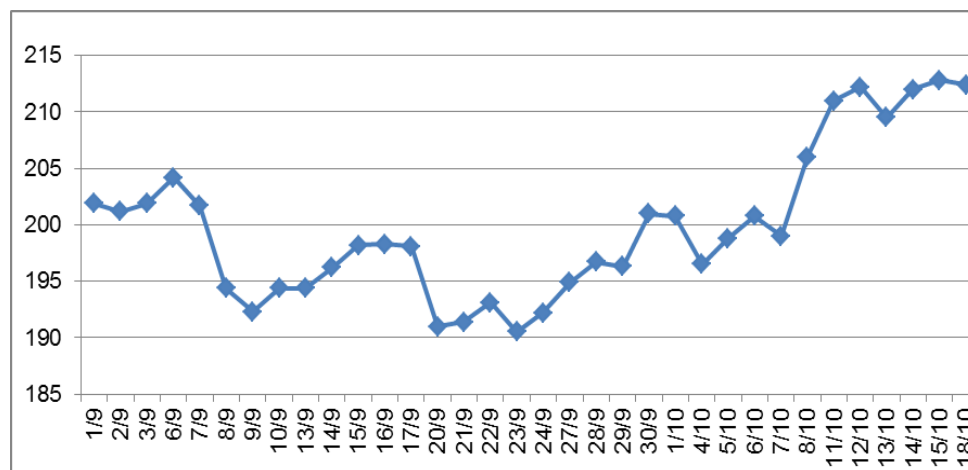
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá cao su tại thị trường châu Á phục hồi nhẹ, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka (OSE), ngày 18/10/2021, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 11/2021 ở mức 212,4 Yên/kg (tương đương 1,86

USD/kg), tăng 3,1% so với 10 ngày trước đó, nhưng vẫn giảm 8,9% so với cùng kỳ năm 2020. Giá cao su tại Nhật Bản hồi phục nhẹ, nhưng các nhà đầu tư vẫn lo ngại giá năng lượng tăng cao có thể dẫn tới hoạt động sản xuất chậm lại và sự phục hồi kinh tế toàn cầu có thể gặp khó khăn.

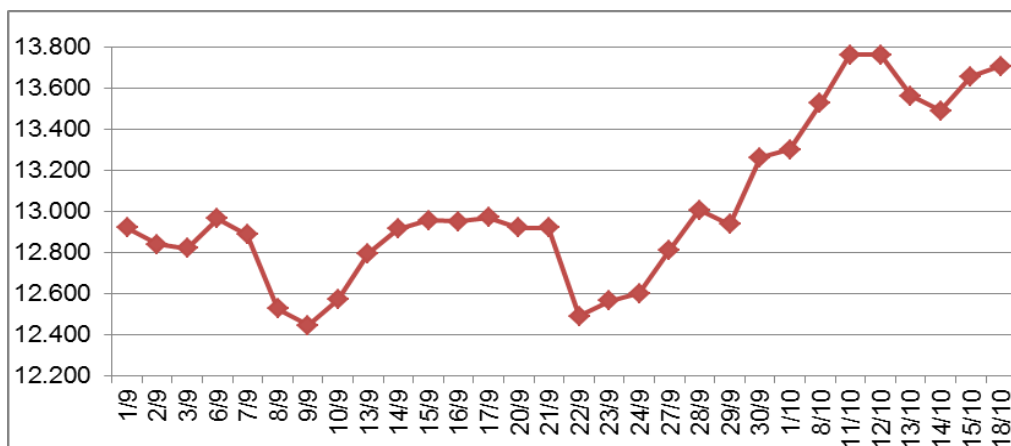
Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 11/2021 tại sàn Osaka (OSE) từ đầu tháng 9/2021 đến nay (ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại sàn SHFE Thượng Hải, ngày 18/10/2021, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 11/2021 giao dịch ở mức 13.705 NDT/tấn (tương đương 2,13 USD/tấn), tăng 1,3% so với 10 ngày trước đó và tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2020.

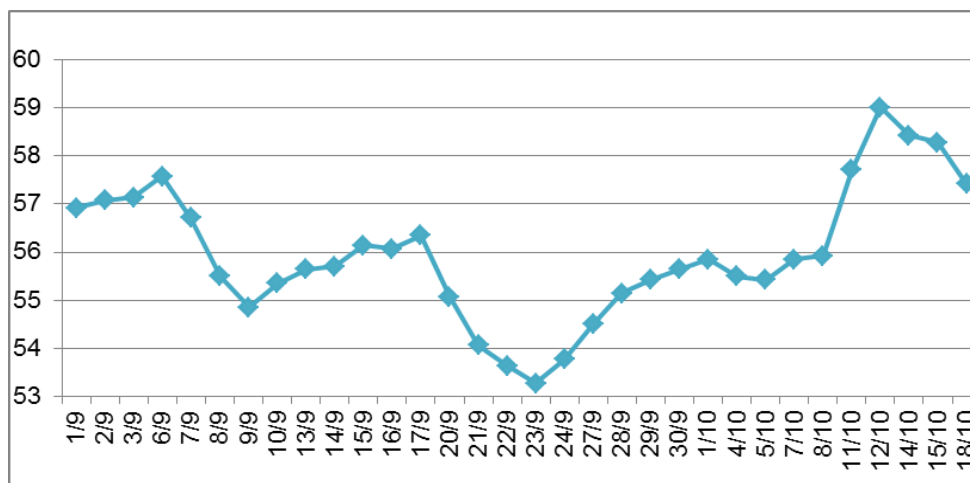
Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 11/2021 tại sàn SHFE từ đầu tháng 9/2021 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, sau khi tăng lên mức cao nhất 2 tháng vào ngày 12/10/2021 (lên mức 59 Baht/kg), giá cao su quay đầu giảm, nhưng vẫn cao hơn so với 10 ngày trước đó. Ngày 18/10/2021 giá cao su RSS 3 chào bán ở mức 57,4 Baht/kg (tương đương 1,71 USD/kg), tăng 2,7% so với 10 ngày trước đó, nhưng vẫn giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu tháng 9/2021 đến nay (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Trong ngắn hạn, giá cao su dự báo sẽ có chiều hướng đi lên do giá dầu tăng cao và nguồn cung cao su khan hiếm do sản lượng tại các quốc gia sản xuất cao su tự nhiên giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tuy nhiên, đà tăng sẽ bị hạn chế bởi nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc có xu hướng chậm lại. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tháng 9/2021, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 615 nghìn tấn, trị giá 1,1 tỷ USD, giảm 29% về lượng và giảm 4,5% về trị giá so với tháng 9/2020, tháng giảm thứ 4 liên tiếp. Lũy kế 9 tháng năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu 4,96 triệu tấn cao su, trị giá 8,85 tỷ USD, giảm 7,6% về lượng, nhưng tăng 19,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Ma-lai-xi-a: Sản lượng cao su tự nhiên của Ma-lai-xi-a trong tháng 8/2021 đạt 42,94 nghìn tấn, giảm 11,7% so với tháng 7/2021 và giảm 3,6% so với tháng 8/2020.

+ Xuất khẩu cao su của Ma-lai-xi-a trong tháng 8/2021 đạt 59,17 nghìn tấn, tăng 21,6% so với tháng 7/2021 và tăng 38,7% so với tháng 8/2020. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Ma-lai-xi-a, chiếm 43,7% tổng lượng cao su xuất khẩu của nước này; Hoa Kỳ chiếm 9%; Pháp chiếm 8,4%; Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 3,1% và Bra-xin chiếm 2,4%.

+ Trong tháng 8/2021, Ma-lai-xi-a nhập khẩu 79,7 nghìn tấn cao su tự nhiên, giảm 10,5% so với tháng 7/2021 và giảm 26,2% so với tháng 8/2020.

+ Tiêu thụ cao su tự nhiên nội địa của Ma-lai-xi-a trong tháng 8/2021 đạt 37,78 nghìn tấn, tăng 43,8% so với tháng 7/2021, nhưng giảm 18,8% so với tháng 8/2020.

+ Dự trữ cao su tự nhiên tại Ma-lai-xi-a tính đến cuối tháng 8/2021 ở mức 287,38 nghìn tấn, tăng 2,3% so với tháng 7/2021 và tăng 23,1% so với cùng kỳ năm 2020.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước tăng trở lại, hiện giá mủ cao su tiểu điền được các doanh nghiệp thu mua dao động quanh mức 290-340 đồng/độ mủ. Tại Bình Phước giá mủ cao su nguyên liệu được Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng thu mua ở mức 295-335 đồng/độ mủ, tăng 10 đồng/độ mủ so với 10 ngày trước đó.

Tại Bình Dương giá mủ cao su nguyên liệu được Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa thu mua ở mức 338-340 đồng/độ mủ, tăng 10 đồng/độ mủ so 10 ngày trước đó. Dự báo trong ngắn hạn, giá cao su sẽ tiếp tục tăng và có thể đạt 350 đồng/độ mủ, nguyên nhân chủ yếu do giá dầu đang tăng cao, nguồn cung cao su khan hiếm do ảnh hưởng của dịch bệnh.



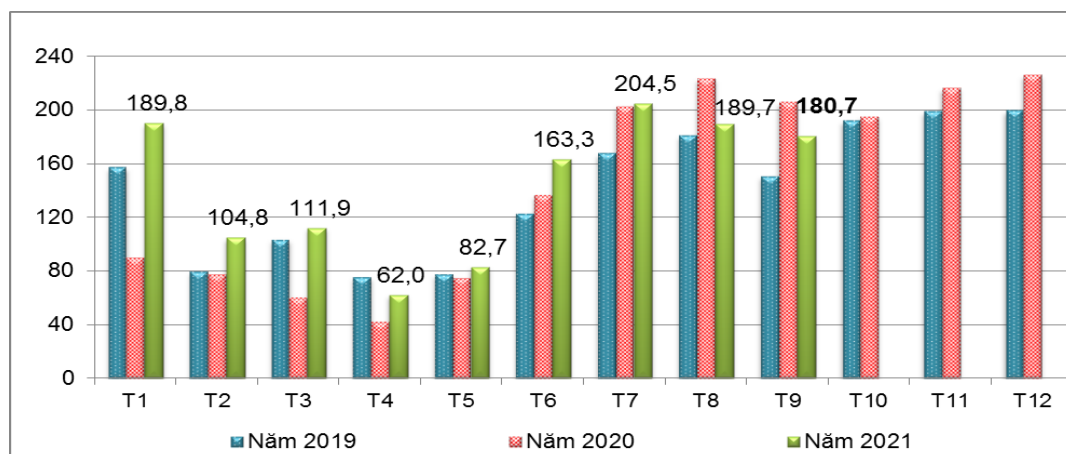
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Tháng 9/2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, xuất khẩu cao su của Việt Nam giảm. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cao su đạt 180,68 nghìn tấn, trị giá 299,03 triệu USD, giảm 4,8% về lượng và giảm 4% về trị giá

so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 giảm 12% về lượng, nhưng tăng 12,9% về trị giá. Lũy kế 9 tháng năm 2021, xuất khẩu cao su đạt 1,28 triệu tấn, trị giá 2,15 tỷ USD, tăng 15,8% về lượng và tăng 51,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu cao su của Việt Nam năm 2019-2021

(ĐVT: nghìn tấn)

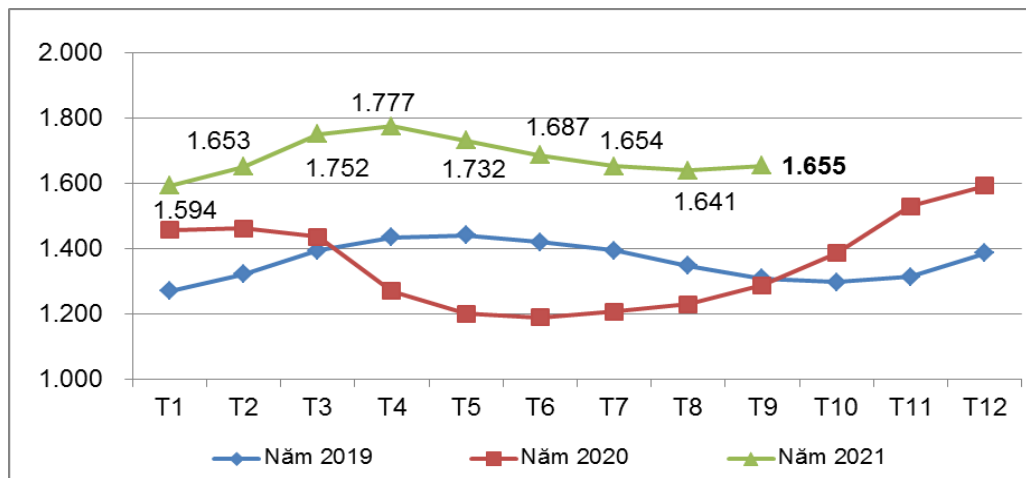


Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tháng 9/2021, giá cao su xuất khẩu bình quân ở mức 1.655 USD/tấn, tăng 0,8% so với tháng 8/2021 và tăng 28,4% so với tháng 9/2020.

Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam năm 2019 2021

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tháng 9/2021, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 68,1% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, đạt 123,01 nghìn tấn, trị giá 199,25 triệu USD, giảm 9,9% về lượng và giảm 10,2% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 giảm 26,3% về lượng và giảm 7% về trị giá. Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc ở mức 1.620 USD/tấn, giảm 0,3% so với tháng 8/2021, nhưng tăng 26,2% so với tháng 9/2020.

Lũy kế 9 tháng năm 2021, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 901,73 nghìn tấn cao su, trị giá 1,45 tỷ USD, tăng 4,9% về lượng và tăng 35,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 9/2021, trong khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc giảm thì xuất khẩu sang một số thị trường tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 như: Ấn Độ, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a, Thổ Nhĩ Kỳ, Hà Lan, Cộng Hoà Séc, Ca-na-đa...

Thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 9 và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	180.682	299.032	-12	12,9	1.288.191	2.150.480	15,8	51,2
Trung Quốc	123.013	199.259	-26,3	-7	901.734	1.458.796	4,9	35,3
Ấn Độ	15.638	27.761	169,2	255,6	76.606	136.637	85,1	139,6
Hàn Quốc	4.603	8.041	56,6	88,9	32.186	59.413	52,6	90,9
Đức	4.561	7.990	108,9	163,1	27.439	50.572	87,5	143,5
Hoa Kỳ	4.088	6.760	66	117,7	30.168	52.129	88,6	141,2
Đài Loan	3.462	6.164	-23,8	0,3	28.139	51.197	37,3	82,1
In-đô-nê-xi-a	3.167	5.354	71,7	119,8	14.125	25.002	54,4	92,4
Thổ Nhĩ Kỳ	3.101	5.384	41,7	83,3	23.217	42.870	48	92,6
Xri-Lan-ca	2.176	3.937	150,4	268,2	16.400	30.886	174,4	271,8
Nga	1.927	3.067	298,1	431,2	12.590	21.976	183,5	277,7
Thị trường khác	14.946	25.314	-1,2	32	125.587	221.001	20,7	61,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA HÀN QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 9 tháng năm 2021, Hàn Quốc nhập khẩu 416,7 nghìn tấn cao su (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 856,21 triệu USD, tăng 15,9% về lượng và

tăng 39,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam và Hoa Kỳ là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hàn Quốc.

Trong 9 tháng năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 4 cho Hàn Quốc với 31,14 nghìn tấn, trị giá 60,04 triệu USD, tăng 27,4% về lượng và tăng 63% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị

phần cao su Việt Nam chiếm 7,5% trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hàn Quốc, tăng so với mức 6,8% của 9 tháng năm 2020.

Thị trường cung cấp cao su cho Hàn Quốc trong 9 tháng năm 2021

Thị trường	9 tháng năm 2021		So với cùng kỳ năm 2020 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2020	9 tháng năm 2021
Tổng	416.702	856.211	15,9	39,7	100	100
In-đô-nê-xi-a	122.996	209.753	6,1	34,6	32,3	29,5
Thái Lan	89.358	160.654	14,4	48,7	21,7	21,4
Trung Quốc	37.004	70.581	61,9	112,8	6,4	8,9
Việt Nam	31.147	60.048	27,4	63,0	6,8	7,5
Hoa Kỳ	23.253	76.888	35,3	39,7	4,8	5,6
Nhật Bản	17.583	81.491	15,0	13,6	4,3	4,2
Cộng hòa Séc	15.754	26.103	24,8	76,9	3,5	3,8
Đức	13.057	37.778	-8,1	15,4	4,0	3,1
Xin-ga-po	11.409	28.470	-14,5	1,0	3,7	2,7
Ma-lai-xi-a	10.074	15.856	14,1	38,8	2,5	2,4
Thị trường khác	45.068	88.589	23,1	36,0	10,2	10,8

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

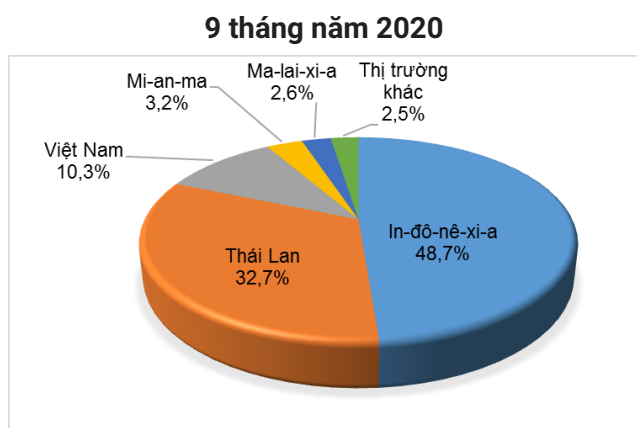
Về chủng loại nhập khẩu:

Trong 9 tháng năm 2021, nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) của Hàn Quốc đạt 261,92 nghìn tấn, trị giá 463,91 triệu USD, tăng 11,9% về lượng và tăng 43,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Căm-pu-chia và Ma-lai-xi-a là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tự nhiên cho Hàn Quốc trong 9 tháng năm 2021.

Trong 9 tháng năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, với 31 nghìn tấn, trị giá 59,63 triệu USD, tăng 28,7% về lượng và tăng 65,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc chiếm 11,8%, tăng so với 10,3% của 9 tháng năm 2020.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Hàn Quốc

(ĐVT: % tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Hàn Quốc nhập khẩu 134,95 nghìn tấn cao su tổng hợp (mã HS 4002) trong 9 tháng năm 2021, với trị giá 347,93 triệu USD, tăng 22,4% về lượng và tăng 34,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Cộng hòa Séc và Đức là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tổng hợp cho Hàn Quốc trong 9 tháng năm 2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Hàn Quốc trong 9 tháng năm 2021 có sự thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Hoa Kỳ, Trung Quốc, Cộng hòa Séc tăng, trong khi thị phần của Nhật Bản, Xin-ga-po, Đức giảm. Cao su tổng hợp của Việt Nam mới chỉ chiếm 0,09% trong tổng lượng cao su tổng hợp nhập khẩu của Hàn Quốc.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Giữa tháng 10/2021, giá cà phê thế giới tiếp tục xu hướng tăng, song tốc độ đã chậm lại.
- ▶ Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Bra-xin (Cecafé), xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 9/2021 đạt 3,1 triệu bao (bao 60 kg), giảm 26,5% so với tháng 9/2020. Lũy kế 3 tháng đầu niên vụ 2021/2022, xuất khẩu cà phê của Bra-xin đạt 8.817 triệu bao, giảm 20,2% so với 3 tháng đầu niên vụ 2020/2021.
- ▶ Giá cà phê Robusta trong nước biến động theo xu hướng tăng trước thềm vụ thu hoạch mới.
- ▶ Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 10,2% về lượng và giảm 6,6% về trị giá so với tháng 8/2021, so với tháng 9/2020 tăng 0,6% về lượng và tăng 11,7% về trị giá, đạt 100,34 nghìn tấn, trị giá 210 triệu USD.
- ▶ Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Tây Ban Nha trong 7 tháng đầu năm 2021 giảm.

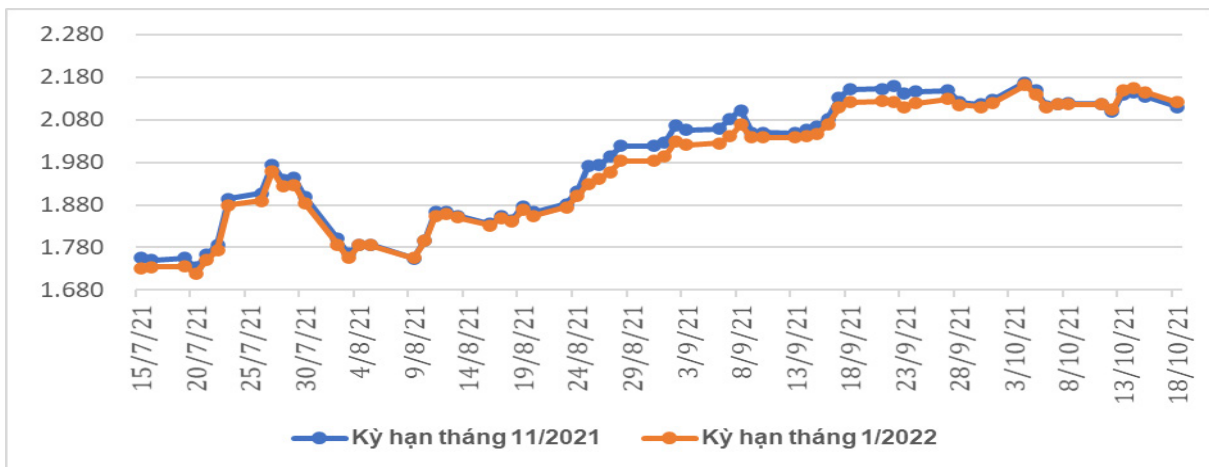
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giữa tháng 10/2021, giá cà phê thế giới tiếp tục xu hướng tăng, song tốc độ đã chậm lại. Theo báo cáo, các vùng trồng cà phê miền Nam Bra-xin đã có mưa và dự báo sẽ tiếp tục mưa trong tuần tới, giúp thị trường giảm bớt mối lo thiếu hụt nguồn cung.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 18/10/2021, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn biến động không đồng nhất. Đối với kỳ hạn giao tháng 11/2021, giá cà phê Robusta giảm 0,4% so với ngày 8/10/2021, xuống 2.110 USD/tấn. Ngược lại, giá cà phê giao kỳ hạn tháng 1/2022, tháng 3/2022 và tháng 5/2022 tăng lần lượt 0,2%, 0,4% và 0,1% so với ngày 8/10/2021, lên 2.121 USD/tấn, 2.084 USD/tấn và 2.057 USD/tấn.



Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ giữa tháng 7/2021 đến nay (ĐVT: USD/tấn)

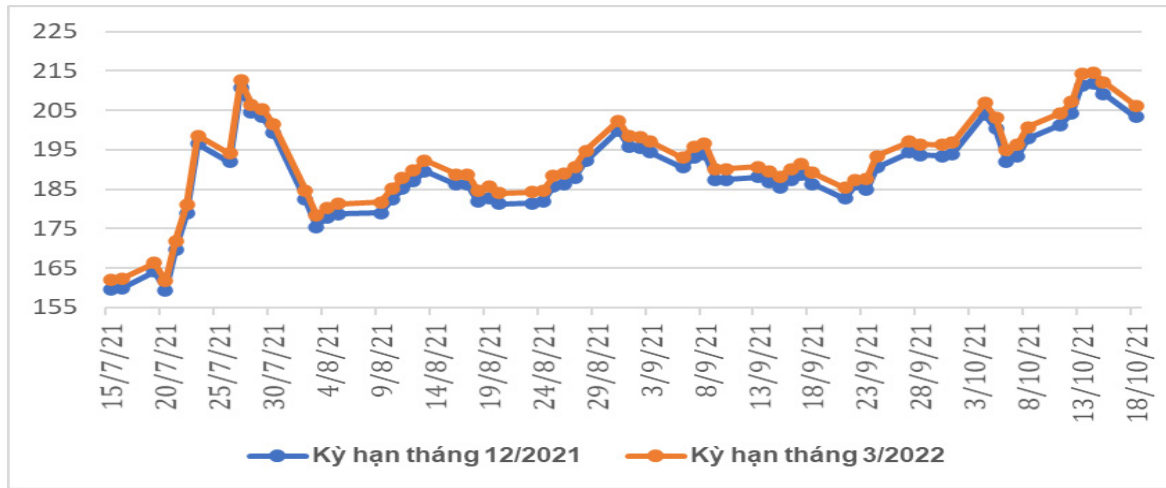


Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 18/10/2021, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 12/2021 và tháng 5/2022 tăng lần lượt 2,8% và 2,6% so với ngày 8/10/2021, lên 203,4 Uscent/lb và 207,25 Uscent/lb;

kỳ hạn giao tháng 3/2022 và tháng 7/2022 cùng tăng 2,7% so với ngày 8/10/2021, lên mức 206,25 Uscent/lb và 207,8 Uscent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica giao kỳ hạn trên sàn giao dịch New York từ giữa tháng 7/2021 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 18/10/2021, giá cà phê giao kỳ hạn tháng 12/2021, tháng 3/2022, tháng 5/2022 và tháng 9/2022 tăng lần lượt 4,3%, 4,0%, 2,9% và 1,5% so với ngày 8/10/2021, lên 246,5 Uscent/lb, 250,1 Uscent/lb, 249,35 Uscent/lb và 247,25 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 2.165 USD/tấn, chênh lệch +55 USD/tấn, giảm 9 USD/tấn (tương đương mức giảm 0,4%) so với ngày 8/10/2021.

Dự báo giá cà phê thế giới sẽ tiếp tục tăng do nguồn cung chưa ổn định (thị trường lo ngại hạn hán xảy ra tại Nam Mỹ và lũ lụt tại Đông Nam Á), trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài và giá cước phí vận chuyển cao. Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Bra-xin (Cecafé), xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 9/2021 đạt 3,1 triệu bao (bao 60 kg), giảm 26,5% so với tháng 9/2020. Lũy kế 3 tháng đầu niên vụ 2021/2022, xuất khẩu cà phê của Bra-xin đạt 8.817 triệu bao, giảm 20,2% so với 3 tháng đầu niên vụ 2020/2021.



TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ TĂNG 300 ĐỒNG/KG

Giá cà phê Robusta trong nước biến động theo xu hướng tăng trước thêm vụ thu hoạch mới. Những ngày giữa tháng 10/2021, giá cà phê Robusta nội địa tăng trở lại. Ngày 18/10/2021, giá cà phê Robusta trong nước tăng 300 đồng/kg (tương đương mức tăng 0,8%) so với ngày 8/10/2021, lên mức 39.500 – 40.400 đồng/kg.

Giá trung bình cà phê tại một số tỉnh khảo sát ngày 18/10/2021

Khu vực khảo sát	Giá trung bình (đồng/kg)	So với ngày 8/10/2021 (%)
Tỉnh Đắk Lắk	40.400	0,8
Tỉnh Lâm Đồng	39.500	0,8
Tỉnh Gia Lai	40.300	0,8
Tỉnh Đắk Nông	40.300	0,8

Nguồn: Giacaphe.com

GIÁ XUẤT KHẨU BÌNH QUÂN CÀ PHÊ THÁNG 9/2021 ĐẠT MỨC CAO NHẤT GẦN 4 NĂM

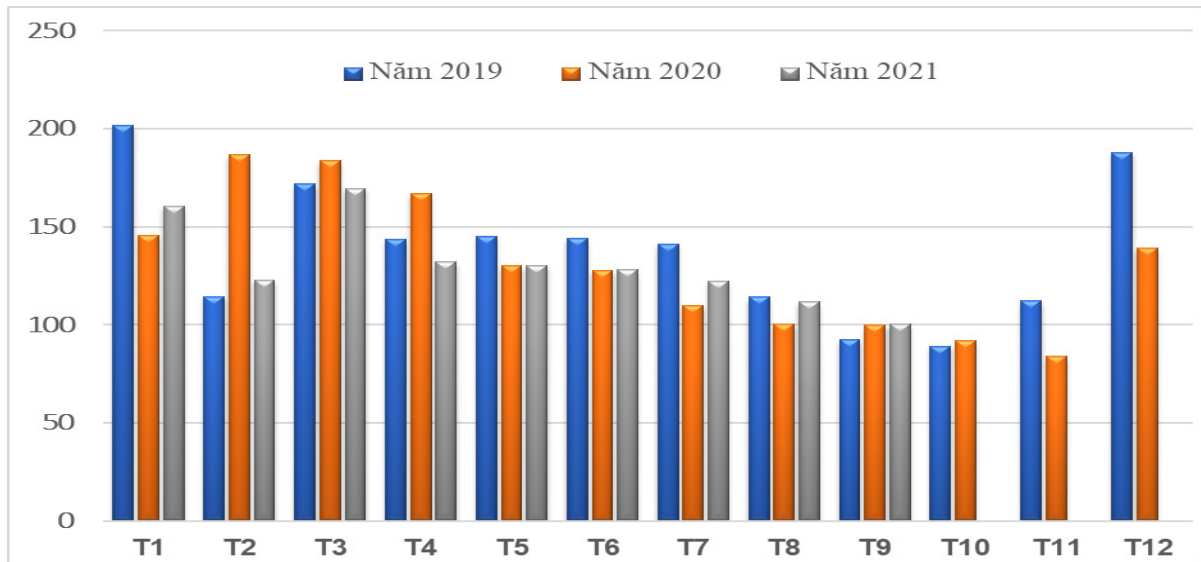
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 10,2% về lượng và giảm 6,6% về trị giá so với tháng 8/2021, so với tháng 9/2020 tăng 0,6% về lượng và tăng 11,7% về trị giá, đạt 100,34 nghìn tấn, trị giá 210 triệu USD. Trong 9 tháng năm 2021, xuất khẩu cà phê của giảm 5,4% về lượng, nhưng tăng 3,4% về trị giá so với

cùng kỳ năm 2020, đạt 1,18 triệu tấn, trị giá 2,23 tỷ USD.

Dự báo xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ tăng trong các tháng tới. Nhu cầu tiêu thụ toàn cầu tăng, trong khi Việt Nam bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2021/2022. Bên cạnh đó, các biện pháp giãn cách xã hội đang dần được nới lỏng, tạo thuận lợi cho việc thu hoạch và vận chuyển mặt hàng.

Lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021

(ĐVT: nghìn tấn)

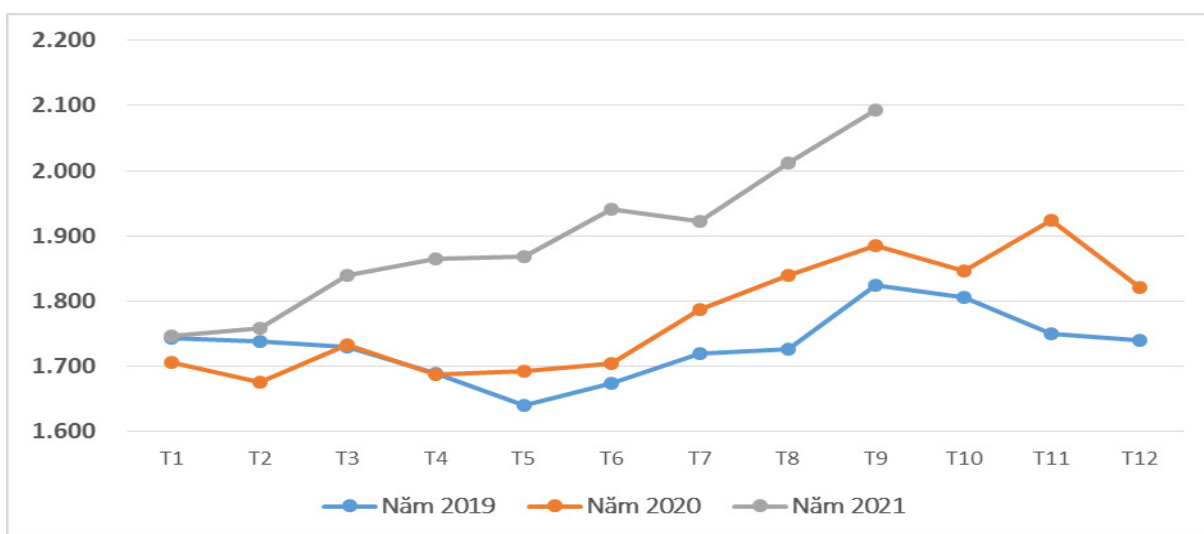


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2021, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt 2.093 USD/tấn – mức cao nhất kể từ tháng 12/2017, tăng 4% so với tháng 8/2021 và tăng 11% so với tháng 9/2020. Tính chung 9 tháng

năm 2021, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt 1.884 USD/tấn, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Diễn biến giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu: Tháng 9/2021 so với tháng 9/2020, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang nhiều thị trường chính tăng, ngoại trừ Ý, Nga, Phi-líp-pin, Trung Quốc. Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê sang các

thị trường Đức, Tây Ban Nha, An-giê-ri tăng mạnh. Trong 9 tháng năm 2021, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường chính giảm, trong khi xuất khẩu sang Nhật Bản, Nga, Trung Quốc tăng.

**10 thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam tháng 9
và 9 tháng năm 2021**

Thị trường	Tháng 9/2021		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng 2021		So với cùng kỳ năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	100.340	210.018	0,6	11,7	1.183.559	2.229.411	-5,4	3,4
Đức	19.767	37.008	63,5	82,1	181.014	319.522	-1,0	13,8
Ý	7.757	13.970	-40,0	-33,7	100.464	171.818	-11,9	-4,0
Hoa Kỳ	12.378	26.023	9,0	28,9	96.472	189.416	-13,9	-5,1
Nhật Bản	7.681	16.099	2,0	17,3	86.468	168.718	3,0	15,3
Nga	5.311	12.210	-0,8	1,1	62.100	125.713	5,3	9,0
Tây Ban Nha	4.699	9.521	40,1	42,3	51.055	98.393	-38,4	-27,8
Bỉ	4.930	8.797	5,1	12,4	43.323	75.314	-26,4	-21,8
An-giê-ri	6.112	11.519	62,0	93,2	42.435	72.123	-17,3	-8,2
Phi-líp-pin	3.915	9.595	-42,1	-37,3	41.125	102.066	-30,8	-19,9
Trung Quốc	3.026	7.817	-9,9	0,6	39.560	89.786	46,6	43,5
Thị trường khác	24.764	57.459	-13,2	0,6	439.543	816.540	4,8	11,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

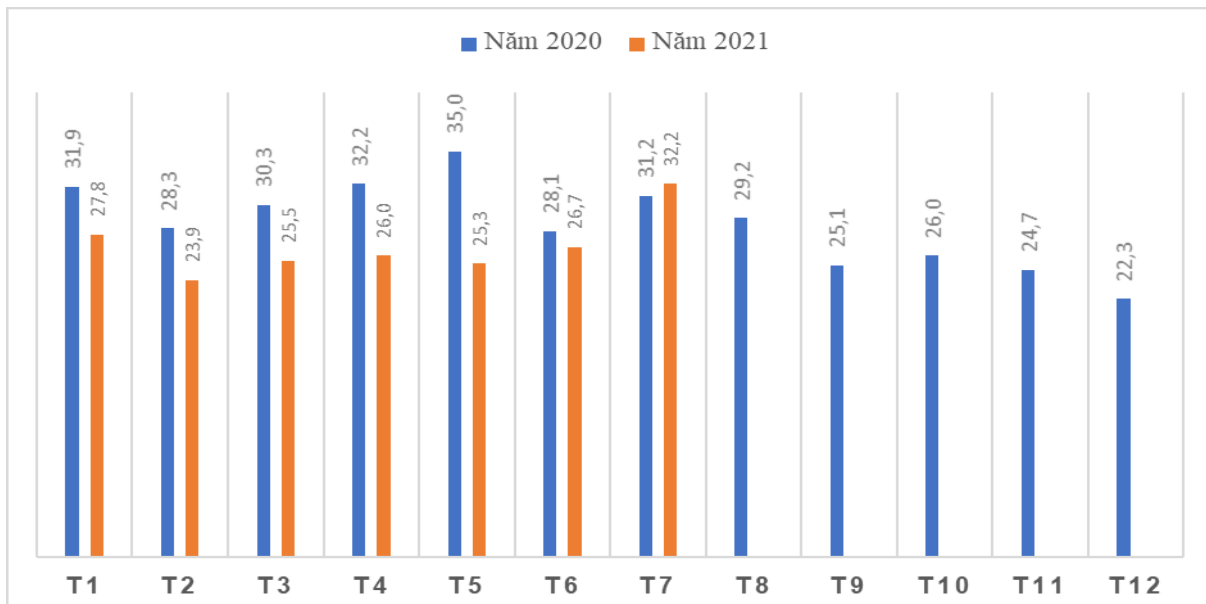
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA TÂY BAN NHA TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong tháng 7/2021 Tây Ban Nha nhập khẩu cà phê đạt 32,2 nghìn tấn, trị giá 89,57 triệu USD, tăng 3,3% về lượng và tăng 4,8% về trị giá so với tháng

7/2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, tổng nhập khẩu cà phê vào Tây Ban Nha đạt 187,36 nghìn tấn, trị giá 604,56 triệu USD, giảm 13,6% về lượng, nhưng tăng 2,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Tây Ban Nha nhập khẩu cà phê qua các tháng năm 2020 – 2021

(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về chủng loại

7 tháng đầu năm 2021, Tây Ban Nha giảm nhập khẩu cà phê (trừ cà phê rang xay và loại bỏ caffein – HS 090111) và cà phê đã khử caffein (không bao gồm rang – HS 090112), mức giảm lần lượt 17,2% và

5,6% so với 7 tháng đầu năm 2020, đạt 151,54 nghìn tấn và 18,52 nghìn tấn. Ngược lại, Tây Ban Nha tăng nhập khẩu các chủng loại cà phê rang (không bao gồm cà phê đã khử caffein – HS 090121), mức tăng 16,4%, đạt xấp xỉ 14 nghìn tấn.

Chủng loại cà phê Tây Ban Nha nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2021

Mã HS	7 tháng năm 2021		So với 7 tháng năm 2020 (%)		Cơ cấu chủng loại (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	7 tháng năm 2021	7 tháng năm 2020
090111	151.545	300.497	-17,2	-16,5	80,89	84,36
090112	18.525	39.199	-5,6	9,0	9,89	9,05
090121	13.919	206.888	16,4	31,7	7,43	5,51
090122	2.854	55.500	41,6	69,1	1,52	0,93
090190	514	2.474	54,7	3,9	0,27	0,15

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

7 tháng đầu năm 2021, giá nhập khẩu bình quân cà phê vào Tây Ban Nha đạt mức 3.227 USD/tấn, tăng 19% so với 7 tháng đầu năm 2020. Trong đó, giá nhập khẩu

bình quân cà phê của Tây Ban Nha tăng từ hầu hết các thị trường cung cấp chính, ngoại trừ U-gan-đa, Bỉ.

5 thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho Tây Ban Nha trong 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	7 tháng 2021			So với 7 tháng 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá trung bình (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá trung bình
Tổng	187.358	604.559	3.227	-13,6	2,8	19,0
Việt Nam	56.819	101.963	1.795	-32,5	-29,6	4,3
Bra-xin	31.674	69.053	2.180	0,7	1,9	1,1
Đức	21.658	53.558	2.473	-11,6	-7,8	4,2
U-gan-đa	10.257	16.421	1.601	-30,3	-34,4	-5,9
Bỉ	8.941	13.945	1.560	313,0	214,4	-23,9
Thị trường khác	58.009	349.619	6.027	-3,3	21,4	25,5

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

7 tháng đầu năm 2021, Tây Ban Nha giảm mạnh nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, nhưng tăng từ Bra-xin. Diễn biến phức tạp của làn sóng Covid-19 tại Việt Nam đã ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam.

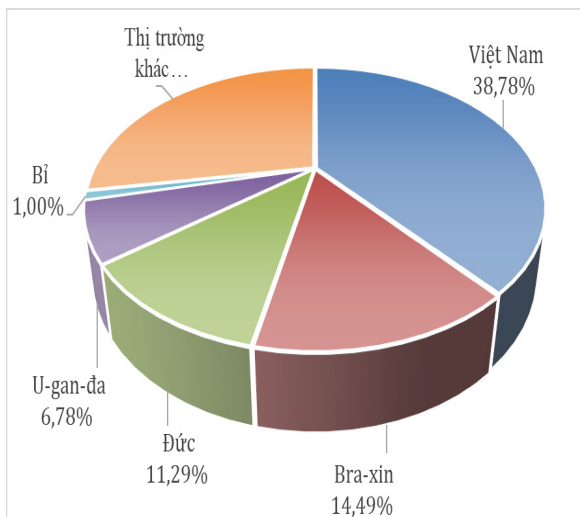
cà phê từ Việt Nam đạt 56,82 nghìn tấn, trị giá 101,96 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2021, giảm 32,5% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Tây Ban Nha chiếm 30,33% trong 7 tháng đầu năm 2021, thấp hơn so với thị phần 38,78% trong 7 tháng đầu năm 2020.

Số liệu thống kê cho thấy, Tây Ban Nha nhập khẩu

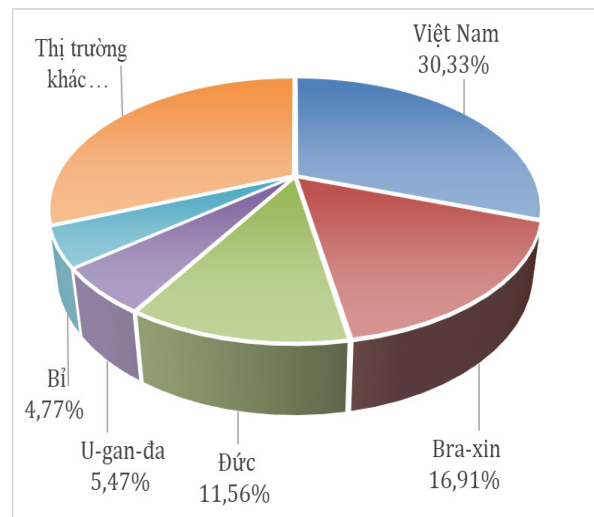
Cơ cấu thị trường cung cấp cà phê cho Tây Ban Nha

(% tính theo lượng)

7 tháng năm 2020



7 tháng năm 2021



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ Theo Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, nhập khẩu hạt điều của nước này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 560,2 nghìn tấn, trị giá 696,58 triệu USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- ▶ Xuất khẩu hạt điều tháng 9/2021 giảm nhẹ về lượng so với tháng 9/2020, nhưng tăng về trị giá.
- ▶ Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hà Lan 7 tháng đầu năm 2021 tăng so với 7 tháng đầu năm 2020.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THỂ GIỚI

Theo <https://www.tridge.com>, giữa tháng 10/2021, giá bán buôn hạt điều tại Ấn Độ là 11,12 USD/kg; tại Nga là 10,01 USD/kg.

Theo Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, nhập khẩu hạt điều của nước này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 560,2 nghìn tấn, trị giá 696,58 triệu USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 2,7% về trị giá so với cùng kỳ

năm 2020. Trong đó, Ấn Độ tăng nhập khẩu hạt điều thô từ các thị trường Bê-nanh, Ga-na, Bờ Biển Ngà, Ghi-nê, nhưng giảm nhập khẩu từ Ta-da-ni-a. Trong thời gian này, Ấn Độ giảm mạnh nhập khẩu hạt điều chế biến từ Việt Nam, mức giảm 36,6% về lượng và giảm 36,3% về trị giá, đạt 1,4 nghìn tấn, trị giá 9,54 triệu USD.

Một số thị trường cung cấp hạt điều cho Ấn Độ trong 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	7 tháng năm 2021		So với 7 tháng năm 2020 (%)		Thị phần (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	7 tháng năm 2021	7 tháng năm 2020
Tổng	560.207	696.580	10,2	2,7	100,00	100,00
Bê-nanh	150.677	187.790	51,3	73,5	26,90	19,59
Ga-na	129.496	163.880	45,0	39,9	23,12	17,57
Bờ Biển Ngà	69.407	82.520	70,9	67,7	12,39	7,99
Ta-da-ni-a	47.559	73.000	-64,2	-65,9	8,49	26,15
Ghi-nê	33.497	33.960	189,6	204,0	5,98	2,28
.....						
Việt Nam	1.414	9.540	-36,6	-36,3	0,25	0,44

Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

(* Ghi chú HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, xuất khẩu hạt điều của Bra-xin trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt xấp xỉ 8,8 nghìn tấn, trị giá 57 triệu USD, giảm 9,2% về lượng và giảm 3,6% về trị giá so với

7 tháng đầu năm 2020. Trong đó, Bra-xin giảm xuất khẩu sang các thị trường Đức, Hà Lan, Ác-hen-ti-na, nhưng tăng xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Pháp.

5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Bra-xin trong 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	7 tháng năm 2021		So với 7 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	7 tháng năm 2021	7 tháng năm 2020
Tổng	8.789	56.910	-9,2	-3,6	100,00	100,00
Hoa Kỳ	3.344	23.242	9,2	12,3	38,05	31,65
Đức	446	2.420	-64,3	-65,2	5,07	12,90
Hà Lan	699	4.585	-13,7	-19,4	7,95	8,37
Ác-hen-ti-na	748	3.820	-16,6	-12,8	8,51	9,26
Pháp	382	2.013	26,6	17,0	4,34	3,12
Thị trường khác	3.171	20.830	-5,6	6,2	36,08	34,71

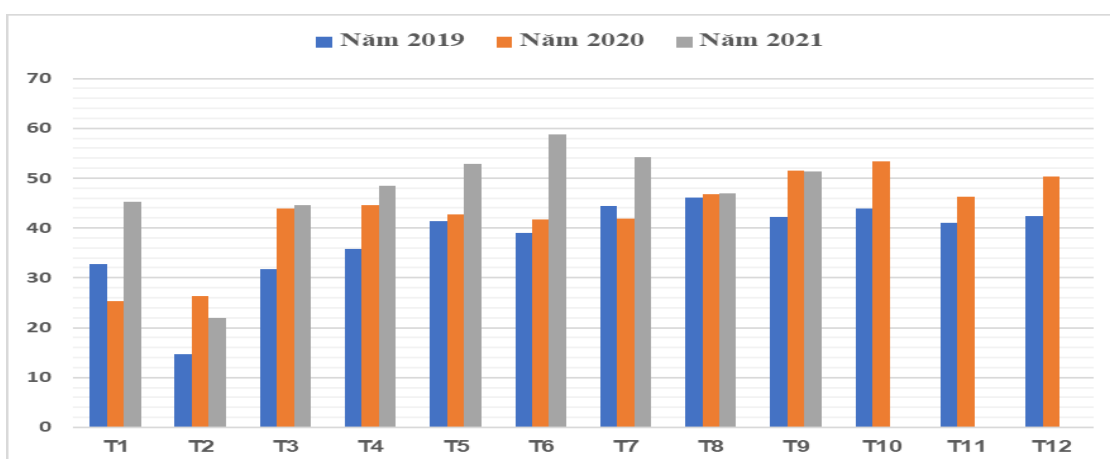
Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU THÁNG 9/2021 TĂNG – TÍNH HIỆU TÍCH CỰC CUỐI NĂM

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt xấp xỉ 51,3 nghìn tấn, trị giá 341,1 triệu USD, tăng 8,9% về lượng và tăng 9,2% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 giảm nhẹ 0,3% về lượng, nhưng tăng 11,2% về trị giá. Tính chung 9 tháng năm 2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 427,3 nghìn tấn, trị giá 2,66 triệu USD, tăng 17,2% về lượng và tăng 15,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.



Lượng hạt điều của Việt Nam xuất khẩu qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021 (ĐVT: nghìn tấn)

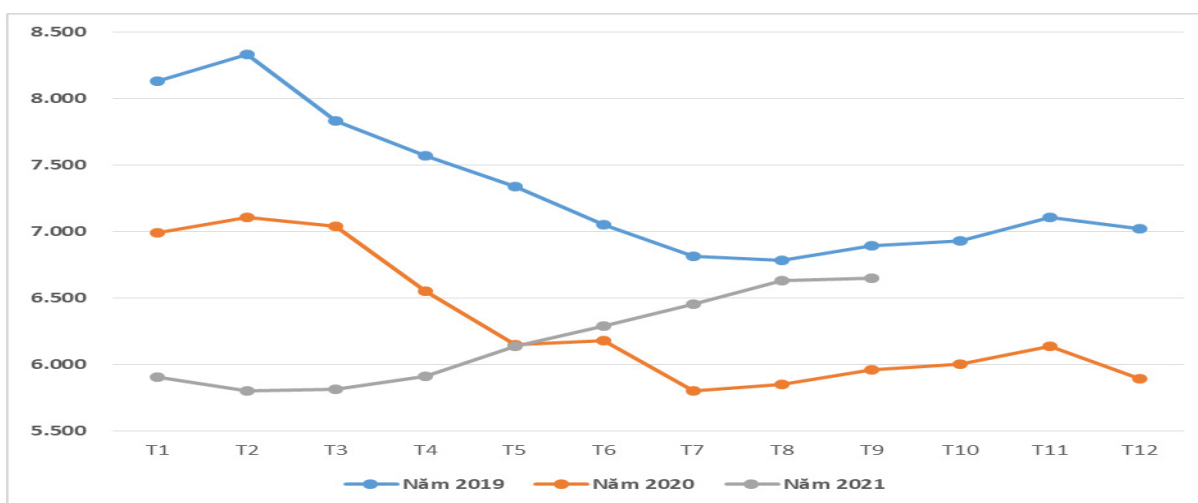


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2021, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt 6.651 USD/tấn, tăng 0,3% so với tháng 8/2021 và tăng 11,6% so với tháng 9/2020.

Tính chung trong 9 tháng năm 2021, giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam đạt 6.222 USD/tấn, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Diễn biến giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2019 – 2021 (USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

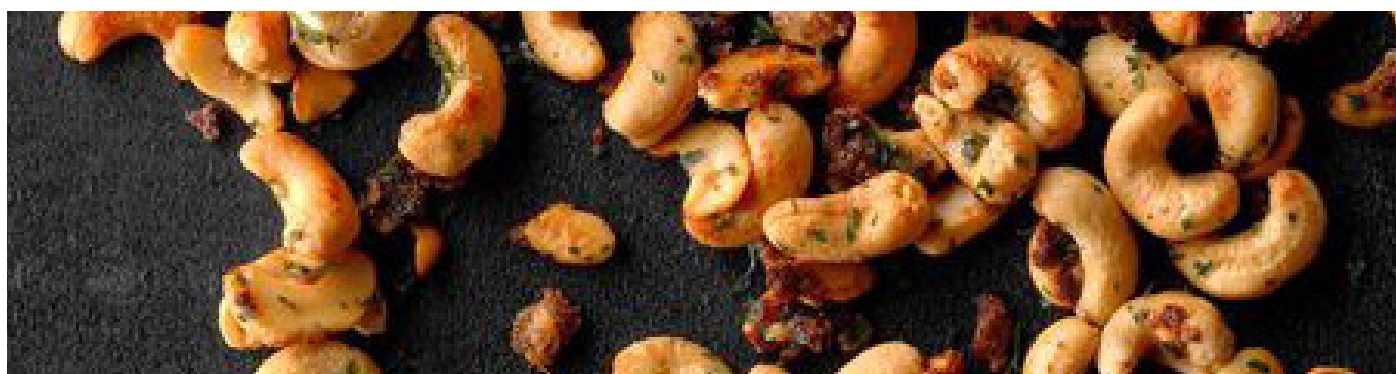
Tháng 9/2021, xuất khẩu hạt điều sang nhiều thị trường chính giảm so với tháng 9/2020, ngoại trừ Hoa Kỳ, Hà Lan, Đức, Nga, Nhật Bản, Thái Lan. Trong

9 tháng năm 2021, xuất khẩu hạt điều sang nhiều thị trường tăng, ngoại trừ Anh, Úc, Thái Lan.

10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất tháng 9 và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	51.287	341.110	-0,3	11,2	427.301	2.658.706	17,2	15,1
Hoa Kỳ	15.564	101.003	1,5	9,4	133.070	777.287	9,7	0,5
Trung Quốc	8.386	59.905	-20,6	-7,9	59.988	443.567	29,2	51,7
Hà Lan	5.911	35.879	7,0	7,5	53.072	290.747	15,2	-2,9
Đức	2.237	14.630	22,2	29,8	15.686	98.049	1,9	-2,8
Ca-na-đa	961	7.005	-21,3	-8,7	12.018	80.054	20,7	17,8
Anh	1.253	7.891	-23,5	-7,3	11.771	67.249	-1,4	-2,9
Úc	1.865	11.734	-14,5	-6,5	11.562	71.154	-14,3	-12,7
Nga	1.127	7.165	38,3	70,6	7.864	44.615	70,4	67,7
Nhật Bản	668	4.401	41,5	61,8	6.616	44.028	37,9	37,4
Thái Lan	805	4.956	4,8	12,6	6.249	38.122	-10,4	-11,3
Thị trường khác	12.510	86.543	12,5	33,6	109.405	703.835	30,7	34,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA HÀ LAN TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 7 tháng đầu năm 2021, Hà Lan nhập khẩu hạt điều đạt 35,4 nghìn tấn, trị giá 205,62 triệu EUR (tương đương 238,52 triệu USD), tăng 2,1% về lượng, nhưng giảm 9,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Hà Lan nhập khẩu hạt điều qua các tháng năm 2020 – 2021

(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Eurostat

Về giá nhập khẩu

7 tháng đầu năm 2021, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hà Lan đạt mức 6.738 USD/tấn, giảm

11,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hà Lan giảm từ tất các nguồn cung chính.

Thị trường cung cấp hạt điều cho Hà Lan trong 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	7 tháng năm 2021				So với 7 tháng 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá		Giá trung bình (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá trung bình
		Nghìn EUR	Nghìn USD				
Tổng	35.399	205.618	238.517	6.738	2,1	-9,4	-11,3
Việt Nam	29.129	167.093	193.828	6.654	8,0	-3,1	-10,3
Ấn Độ	2.990	18.839	21.853	7.309	-5,7	-16,6	-11,5
Bờ Biển Ngà	532	2.683	3.112	5.855	12,5	-25,6	-33,8
Bra-xin	524	3.043	3.530	6.736	-44,2	-50,6	-11,5
Đức	484	4.194	4.865	10.060	-2,1	-6,4	-4,4
Thị trường khác	1.741	9.767	11.330	6.507	-34,2	-44,8	-16,2

Nguồn: Eurostat

(* Ghi chú: HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, nguyên vỏ;

HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ Tỷ giá 1 EUR = 1,16 USD

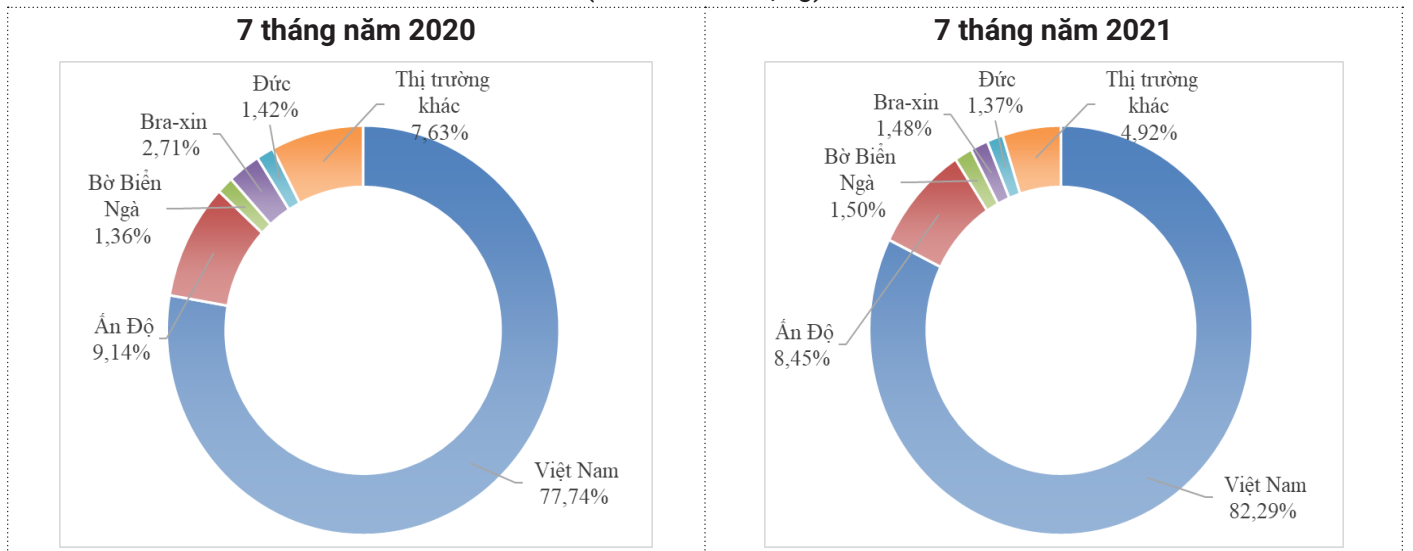


7 tháng đầu năm 2021, Hà Lan tăng nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, Bờ Biển Ngà, nhưng giảm nhập khẩu từ Ấn Độ, Bra-xin.

Theo Eurostat, nhập khẩu hạt điều của Hà Lan từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 29,13 nghìn tấn, trị giá 167 triệu EUR (193,83 triệu USD), tăng 8,0% về lượng, nhưng giảm 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hà Lan chiếm 82,29% trong 7 tháng đầu năm 2021, cao hơn so với mức 77,74% trong 7 tháng đầu năm 2020.

Cơ cấu thị trường cung cấp hạt điều cho Hà Lan

(% tính theo lượng)



Nguồn: Eurostat

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Mùa vụ chanh tươi của Trung Quốc bắt đầu từ giữa tháng 9/2021, tuy nhiên sản lượng dự kiến giảm 30% do thời tiết khắc nghiệt. Xuất khẩu chanh của Trung Quốc có xu hướng giảm do nhu cầu thị trường giảm và chi phí vận chuyển tăng cao.
- ▶ Trị giá xuất khẩu sầu riêng của Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi trong 5 năm qua, đạt 34,7 triệu USD trong năm 2020, tăng 107% so với năm 2016.
- ▶ Thị phần quả xoài của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng.
- ▶ Trong 9 tháng năm 2021, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt 2,75 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2020.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc: Dẫn nguồn freshplaza.com, mùa vụ chanh tươi của Trung Quốc bắt đầu từ giữa tháng 9/2021 và dự kiến kéo dài đến cuối tháng 12/2021. Năm 2021, các khu vực sản xuất chanh của Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi thời tiết khắc nghiệt như: nhiệt độ thấp và sương giá, hạn hán vào mùa xuân. Sản lượng chanh dự kiến giảm 30% trong vụ mùa này, tuy nhiên chất lượng chanh khá tốt.

Tại thị trường nội địa, mặc dù vụ thu hoạch chanh đang bắt đầu, nhưng lượng chanh dự trữ vẫn còn, trong khi những năm trước chanh trong kho dự trữ đã bán hết từ tháng 6. Các loại chanh dự trữ này chỉ phù hợp với tiêu thụ trong nước, phục vụ cho các nhà hàng và cửa hàng nước giải khát, tuy nhiên các kênh bán lẻ này không ổn định do chịu tác động bởi dịch Covid-19.

Trung Quốc xuất khẩu chủ yếu loại chanh Eureka, loại chanh của Trung Quốc mặc dù không ngon như của Thổ Nhĩ Kỳ hay Ai Cập, nhưng khá phổ biến trên thị trường nhờ khả năng bảo quản tốt. Đông Nam Á là thị trường tiêu thụ chanh lớn nhất của Trung Quốc, tuy nhiên trong năm 2021 nhu cầu của thị trường này giảm mạnh do tác động bởi dịch Covid-19.

Xuất khẩu chanh của Trung Quốc đang có xu hướng giảm do nhu cầu thị trường yếu, giá chanh của Trung Quốc ở mức cao (so với chanh của Thổ Nhĩ Kỳ thì giá chanh của Trung Quốc cao gấp đôi). Ngoài ra, chi phí vận chuyển cao làm giảm mức cạnh tranh của các nhà xuất khẩu chanh Trung Quốc.

Năm 2020, lần đầu tiên Trung Quốc xuất khẩu chanh sang Trung Đông, tuy nhiên trong năm 2021, do chanh của Nam Phi có mức giá thấp hơn nên các nhà nhập khẩu Trung Đông đã chuyển hướng sang thị trường này.

Ma-lai-xi-a: Theo Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm Ma-lai-xi-a, xuất khẩu sầu riêng nước này năm 2020 đạt 34,7 triệu USD, tăng 107% so với năm 2016.



Sầu riêng Ma-lai-xi-a đã được phép xuất khẩu tới 22 quốc gia và vùng lãnh thổ. 5 thị trường xuất khẩu sầu riêng lớn nhất của Ma-lai-xi-a gồm: thị trường Hồng Kông, Trung Quốc, Xin-ga-po, Hoa Kỳ và Úc. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông đạt 13,8 triệu USD, chiếm 39,8% tổng trị giá xuất khẩu sầu riêng năm 2020.

Chính phủ Ma-lai-xi-a không đánh thuế xuất khẩu sầu riêng nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên trường quốc tế. Xuất khẩu sầu riêng của Ma-lai-xi-a dự kiến sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh trong thời gian tới.

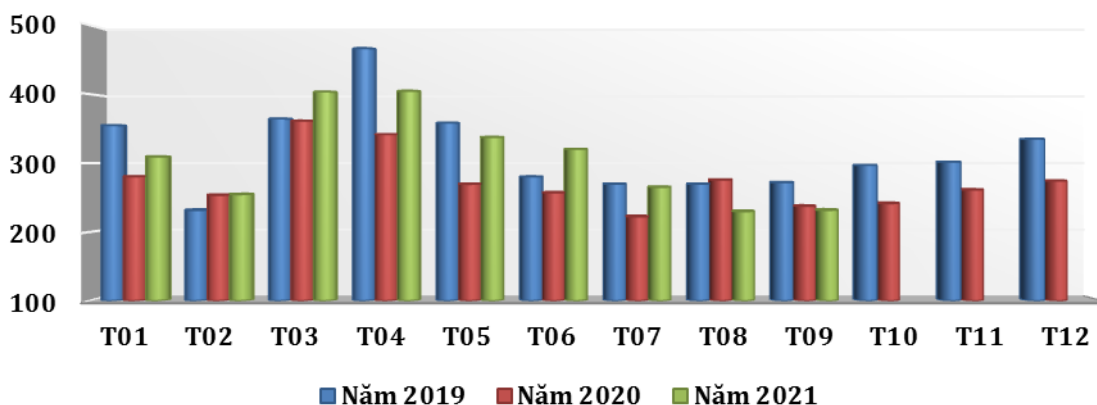
Mặc dù xuất khẩu sầu riêng của Ma-lai-xi-a đang trong đà tăng trưởng mạnh, nhưng Thái Lan vẫn là thị trường xuất khẩu sầu riêng lớn nhất trên toàn cầu, chiếm 90% lượng sầu riêng xuất khẩu trên thế giới. Theo ước tính đến năm 2030, thương mại sầu riêng trên thế giới sẽ đạt 35 tỷ USD.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 9/2021 đạt 232 triệu USD, tăng 0,9% so với tháng 8/2021, nhưng giảm 2,4% so với tháng 9/2020. Trong 9 tháng năm 2021, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt 2,75 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 9/2021 tăng nhẹ so với tháng 8/2021 là nhờ giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước được nới lỏng từ cuối tháng 9/2021. Nhiều địa phương đã khôi phục sản xuất nên khả năng xuất khẩu hàng rau quả sẽ khá quan trọng do nhu cầu của các thị trường tăng mạnh để phục vụ cho mùa lễ hội vào cuối năm 2021.

Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2019 2021 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu, Trung Quốc luôn là thị trường xuất khẩu lớn đối với mặt hàng rau quả của Việt Nam, mặc dù trị giá xuất khẩu liên tục giảm trong 3 tháng qua, nhưng trị giá xuất khẩu sang Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 vẫn tăng trưởng khả quan, đạt 1,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 55,4% tổng trị giá xuất khẩu hàng rau quả. Trong những tháng cuối năm, nhập khẩu hàng rau quả tại Trung Quốc thường tăng mạnh để đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ cao vào dịp Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu hàng rau quả vào thị trường này, các doanh nghiệp phải đáp ứng các quy định của phía Trung Quốc tại Lệnh 248, Lệnh 249 về lĩnh vực quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu có hiệu lực từ ngày 01/01/2022; hướng dẫn

đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc theo quy định mới về tem nhãn, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn vùng trồng, kiểm nghiệm, kiểm dịch, quy cách đóng gói, chất lượng, chủng loại nông sản.

Ngoài ra, trong 9 tháng năm 2021 hàng rau quả xuất khẩu sang một số thị trường khác tăng rất mạnh như Hoa Kỳ, Nhật Bản, thị trường Đài Loan, thị trường Hồng Kông, Nga và Úc. Đáng chú ý, nhu cầu tiêu thụ rau quả tại các nước phương Tây cũng có xu hướng tăng mạnh vào dịp Nô-en vào cuối năm. Trên thực tế, mặc dù trị giá xuất khẩu hàng rau quả sang các thị trường này đạt tốc độ tăng trưởng cao, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp so với nhu cầu tiêu thụ. Do đó, vẫn còn nhiều dư địa khai thác tại các thị trường này.

Thị trường xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 9 và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021 (nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng (%)	
					9 tháng 2021	9 tháng 2020
Tổng	232.029	-2,4	2.751.011	10,4	100,0	100,0
Trung Quốc	93.102	-23,1	1.524.857	6,5	55,4	57,5
Hoa Kỳ	15.539	-8,2	166.251	36,1	6,0	4,9
Nhật Bản	10.745	12,9	120.453	21,7	4,4	4,0
Hàn Quốc	12.527	51,1	119.772	7,0	4,4	4,5
Thái Lan	19.332	13,5	105.760	-11,9	3,8	4,8
Đài Loan	14.909	67,6	96.327	37,2	3,5	2,8
Hồng Kông	17.102	322,5	63.676	31,7	2,3	1,9
Hà Lan	5.189	-21,4	58.330	-4,8	2,1	2,5
Nga	5.016	25,9	57.404	41,9	2,1	1,6
Úc	4.765	-7,9	56.098	32,3	2,0	1,7
Thị trường khác	33.803	-6,7	382.084	10,9	13,9	13,8

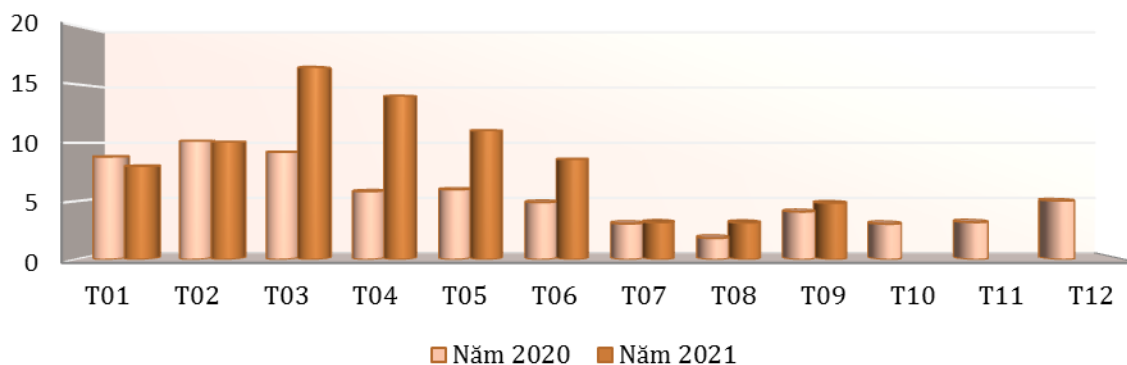
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHỦNG LOẠI QUẢ XOÀI (MÃ HS 08045020) CỦA HÀN QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc (KITA), nhập khẩu chủng loại quả xoài của Hàn Quốc trong 9 tháng năm 2021 đạt 19,5 nghìn tấn, trị giá 79,4 triệu USD, tăng 32,2% về lượng và

tăng 47,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Giá xoài nhập khẩu bình quân đạt 4.065,4 USD/tấn, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Hàn Quốc nhập khẩu chủng loại quả xoài (mã HS 08045020) qua các tháng năm 2020 – 2021 (ĐVT: Triệu USD)

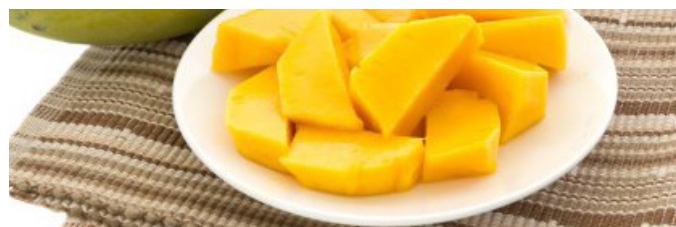


Nguồn: Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc

Hàn Quốc nhập khẩu trái xoài chủ yếu từ thị trường Thái Lan và Pê-ru. Trong 9 tháng năm 2021, nhập khẩu từ 2 thị trường này chiếm 82,5% tổng lượng quả xoài nhập khẩu. Lượng và trị giá nhập khẩu chủng loại quả xoài từ 2 thị trường này đều tăng mạnh.

tỷ trọng thấp trong tổng lượng trái xoài nhập khẩu của Hàn Quốc, như vậy vẫn còn rất nhiều cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu loại trái cây này khai thác. Xoài là một trong những loại cây có thể mạnh xuất khẩu của Việt Nam và là 1 trong 6 loại trái cây của Việt Nam được phép nhập khẩu vào Hàn Quốc.

Việt Nam là thị trường cung cấp chủng loại quả xoài lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, tuy nhiên tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 6,3% tổng lượng nhập khẩu. Nhập khẩu quả xoài từ Việt Nam trong 9 tháng năm 2021 đạt 1,22 nghìn tấn, trị giá 4,8 triệu USD, tăng 38,8% về lượng và tăng 58,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu trái xoài từ Việt Nam chỉ chiếm



Thị trường cung cấp quả xoài cho Hàn Quốc 9 tháng năm 2021

Thị trường	9 tháng năm 2021			So với 9 tháng năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng 9 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá	Năm 2021	Năm 2020
Tổng	19.540	79.440	4.065,4	32,2	47,3	11,4	100,0	100,0
Thái Lan	10.306	37.669	3.655,1	37,4	57,4	14,5	52,7	50,7
Pê-ru	5.819	25.991	4.466,5	42,0	58,6	11,7	29,8	27,7
Việt Nam	1.222	4.784	3.916,1	38,8	58,7	14,3	6,3	6,0
Đài Loan	760	4.410	5.799,9	-6,7	-6,2	0,5	3,9	5,5
Phi-líp-pin	758	2.262	2.984,0	-21,0	-11,1	12,4	3,9	6,5
Bra-xin	484	3.259	6.730,4	53,5	55,1	1,1	2,5	2,1
Căm-pu-chia	137	657	4.784,0	58,9	100,9	26,4	0,7	0,6
Úc	46	310	6.793,0	-54,6	-50,0	10,0	0,2	0,7
Ấn Độ	5	42	7.716,3				0,0	0,0
Hoa Kỳ	1	39	30.139,1	60,7	39,3	-13,4	0,0	0,0
Thị trường khác	1	17	12.363,6	-94,3	-93,9	8,1	0,0	0,2

Nguồn: Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc

THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

- ▶ Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá sắn và tinh bột sắn tại Thái Lan được giữ ổn định so với 10 ngày trước đó.
- ▶ Nguồn sắn lát tồn kho vụ 2020/21 của Việt Nam còn rất ít. Mặc dù giá nội địa giảm nhẹ, nhưng vẫn ở mức khá thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh sắn lát.
- ▶ Giá xuất khẩu bình quân sắn và các sản phẩm từ sắn ở mức 441 USD/tấn, giảm 0,7% so với tháng 8/2021, nhưng tăng 11,6% so với tháng 9/2020.
- ▶ Trong 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sắn lát khô và tinh bột sắn của Trung Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, giá sắn tại Thái Lan được giữ ổn định so với 10 ngày trước đó. Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan thông báo giữ giá sản xuất khẩu tinh bột sắn ở mức 480 USD/tấn, ổn định so với 10 ngày trước đó; giá thu mua tinh bột sắn nội địa cũng được giữ ở mức 14,4 Baht/kg, ổn định so với 10 ngày trước đó.

Hiệp hội thương mại khoai mì Thái Lan cũng giữ ổn định giá sản xuất khẩu sắn lát ở mức 245 – 255 USD/tấn, FOB Băng Cốc; giá sắn nguyên liệu cũng được giữ ở mức 2,35-2,95 Baht/kg, ổn định so với 10 ngày trước đó.

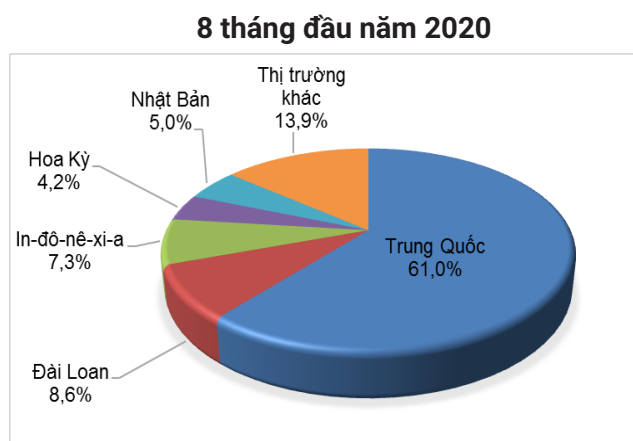
Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, 8 tháng đầu năm 2021, Thái Lan xuất khẩu được 3,76 triệu tấn sắn lát (mã HS 07141011), trị giá 28,69 tỷ Baht (tương đương 863,75 triệu USD), tăng 64,1% về lượng và tăng 87,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,98% tổng lượng sắn lát xuất khẩu của Thái Lan với 3,75 triệu tấn, trị giá 28,6 tỷ Baht (tương đương 863,59 triệu USD), tăng 64,2% về lượng và tăng 87,2%

về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. (Tỷ giá 1 Baht = 0,0301 USD).

Trong 8 tháng đầu năm 2021, Thái Lan xuất khẩu được 2,31 triệu tấn tinh bột sắn (mã HS 11081400), trị giá 32,52 tỷ Baht (tương đương 978,9 triệu USD), tăng 32% về lượng và tăng 43,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu tinh bột sắn sang Trung Quốc chiếm 71,7% tổng lượng tinh bột sắn xuất khẩu của Thái Lan, với 1,66 triệu tấn, trị giá 22,88 tỷ Baht (tương đương 688,9 triệu USD), tăng 55,2% về lượng và tăng 70,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020; tiếp đến là thị trường Đài Loan đứng vị trí thứ 2, chiếm 8%, với 184,37 nghìn tấn, tăng 22,7% và Nhật Bản đứng ở vị trí thứ 3, chiếm 3,9%, với 91,15 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2021 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và Ma-lai-xi-a tăng mạnh; trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Đài Loan, Nhật Bản và Hoa Kỳ giảm.

Cơ cấu thị trường tiêu thụ tinh bột sắn (mã HS 11081400) của Thái Lan
(% tính theo lượng)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong 10 ngày giữa tháng 10/2021, do ảnh hưởng của cơn bão số 7 và số 8 cùng với gió mùa Đông Bắc, nhiều nhà máy khu vực Bắc Trung Bộ và phía Bắc dừng chạy máy, hoặc chạy không đều vì thiếu nguyên liệu. Dịch Covid-19 cũng gây nhiều khó khăn trong việc nhập khẩu nguyên liệu từ Căm-pu-chia và Lào về Việt Nam, làm gia tăng sự thiếu hụt lượng sản củ tươi cung cấp cho các nhà máy chế biến tinh bột sắn.

Năng suất sắn bình quân cả nước còn thấp, giá thành đầu vào cao do chưa hình thành được nhiều vùng nguyên liệu tập trung có quy mô lớn. Bên cạnh

đó, chưa có bộ giống sắn năng suất cao và kháng bệnh tốt, canh tác thiếu bền vững một phần do tập tục canh tác của người dân.

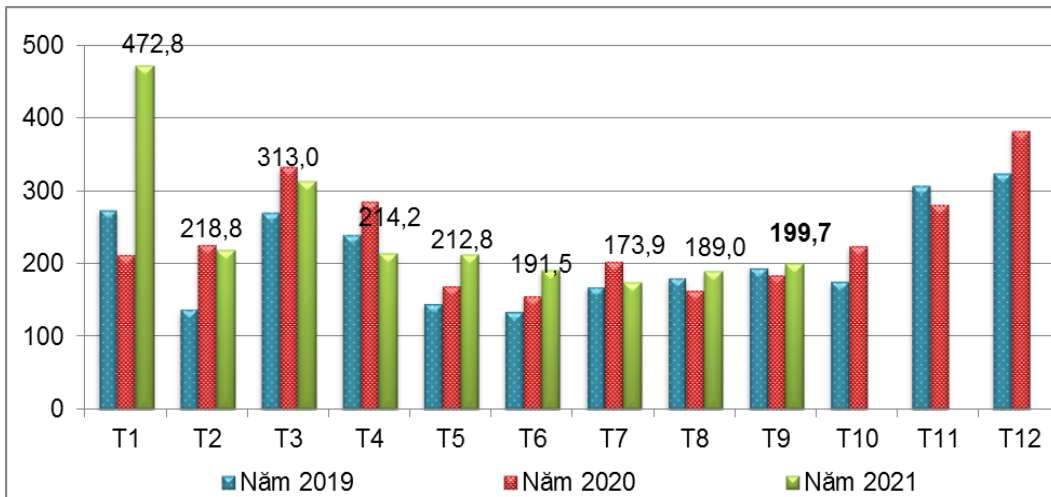
Nguồn sắn lát tồn kho vụ 2020/21 của Việt Nam còn rất ít. Mặc dù giá nội địa giảm nhẹ, nhưng vẫn ở mức khá thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh sắn lát. Giá chào bán sắn lát khô của Việt Nam sang Trung Quốc ở mức khoảng 275 USD/tấn, FOB Quy Nhơn. Tinh bột sắn các nhà máy Việt Nam đang chào bán mức giá trong khoảng 475-480 USD/tấn, FOB cảng TP. Hồ Chí Minh, do giá thu mua nguyên liệu đầu vào cao.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẴN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẴN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 9/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 199,68 nghìn tấn, trị giá 88,07 triệu USD, tăng 5,7% về lượng và tăng 4,9% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 tăng 8,3% về lượng và tăng 20,9% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân sắn

và các sản phẩm từ sắn ở mức 441 USD/tấn, giảm 0,7% so với tháng 8/2021, nhưng tăng 11,6% so với tháng 9/2020. Lũy kế 9 tháng năm 2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 2,15 triệu tấn, trị giá 856,42 triệu USD, tăng 11,8% về lượng và tăng 26,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Lượng sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu của Việt Nam năm 2019-2021 (ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính riêng mặt hàng sắn, tháng 9/2021, xuất khẩu sắn đạt 38,74 nghìn tấn, trị giá 11,17 triệu USD, tăng 50,7% về lượng và tăng 75,9% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 tăng 126,7% về lượng và tăng 151,8% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân ở mức 288,3 USD/tấn, tăng 16,7% so với tháng 8/2021 và tăng 11,1% so với tháng 9/2020. Lũy kế 9 tháng năm 2021, xuất khẩu sắn đạt 713,56 nghìn tấn, trị giá 183,91 triệu USD, tăng 43,4% về lượng và tăng 62,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng 9/2021, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang Trung Quốc vẫn là nhiều nhất, chiếm 90,1% tổng lượng sắn và các sản phẩm từ sắn của cả nước, với 179,91 nghìn tấn, trị giá 80,5 triệu USD, tăng 0,6% về lượng và tăng 0,9% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 tăng 5,5% về lượng và tăng 20,3% về trị giá. Lũy kế 9 tháng năm 2021, Việt

Nam xuất khẩu sang Trung Quốc hơn 2 triệu tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, trị giá 796,18 triệu USD, tăng 14,6% về lượng và tăng 29,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Hiện nay, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn chủ yếu vẫn phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, trong khi vẫn chưa tận dụng các cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường mà Việt Nam đã có hiệp định thương mại tự do (FTA) như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản... Theo Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/8/2020, tinh bột sắn là sản phẩm được cấp hạn ngạch miễn thuế quan (0%) đứng thứ hai sau lúa gạo, với số lượng là 30.000 tấn/năm (thuế suất nhập khẩu tinh bột sắn vào EU ngoài hạn ngạch là 166 EUR/tấn; sắn củ tươi, sắn đông lạnh cắt lát hoặc không, ngoài hạn ngạch tính thuế là 9,5 EUR/kg).

**Thị trường xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 9
và 9 tháng năm 2021**

Thị trường	Tháng 9/2021		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	199.684	88.069	8,3	20,9	2.153.910	856.422	11,8	26,4
Trung Quốc	179.909	80.500	5,5	20,3	2.007.397	796.180	14,6	29,7
Hàn Quốc	14.868	4.968	522,9	549,2	87.855	29.353	10,2	31,8
Đài Loan	1.496	770	-71,5	-64,4	21.670	10.536	-29,4	-16,1
Ma-lai-xi-a	275	147	-87,6	-84,5	2.372	1.160	-90,3	-88,6
Nhật Bản	126	63	-38,2	-24,1	401	233	-84,5	-80,5
Phi-líp-pin	57	30	-85,2	-77,6	4.935	2.253	-40,5	-30,4
Pa-ki-xtan		0			2.805	2.013	281,6	337,3
Thị trường khác	2.953	1.590	-11,9	-12,6	26.475	14.696	-4,7	8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẢN LÁT VÀ TINH BỘT SẢN CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu sản lát khô và tinh bột sản của Trung Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020. Theo đó, Trung Quốc đã nhập khẩu 4,09 triệu tấn sản lát khô, trị giá 1,13 tỷ USD, tăng 66,2% về lượng và tăng 102,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu tinh bột sản đạt 2,13 triệu tấn, trị giá 10,43 tỷ USD, tăng 22,4% về lượng và tăng 143% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, Thái Lan là thị trường cung cấp sản lớn nhất cho Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2021, khối lượng sản lát khô và tinh bột sản nhập khẩu từ thị trường này lần lượt chiếm 88,6% và 73,6%. Tiếp đến là Việt Nam, với khối lượng sản lát khô và tinh bột sản cung cấp cho Trung Quốc lần lượt chiếm 10,7% và 15,5%.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ *Tiêu thụ thủy sản trong tổng tỷ trọng tiêu thụ protein động vật tại Trung Quốc tăng từ 23% lên 30% do tiêu thụ thịt lợn và thịt bò của người tiêu dùng Trung Quốc giảm nhiều hơn. Trong đó, tôm và cá tra chế biến ngày càng phù hợp với lối sống bận rộn của người tiêu dùng Trung Quốc.*
- ▶ *Theo Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Đánh cá Ăc-hen-ti-na, sản lượng tôm đỏ đánh bắt của nước này tháng 9/2021 đạt 21.485 tấn, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước.*
- ▶ *Giá tôm nguyên liệu của Ê-cu-a-đo trong tuần 41 (từ 4 – 10/10/2021) tiếp tục ổn định so với những tuần trước đó.*
- ▶ *Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đã có dấu hiệu cải thiện kể từ cuối tháng 9/2021 khi tình hình dịch bệnh tại các tỉnh phía Nam dần được kiểm soát và các địa phương nới lỏng giãn cách xã hội.*
- ▶ *Thị phần tôm Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 7,3% trong 8 tháng đầu năm 2020 lên 8,8% trong 8 tháng đầu năm 2021.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo nghiên cứu thị trường của Hiệp hội Khách sạn Trung Quốc (CHA), tiêu thụ thủy sản ở Trung Quốc trong đại dịch Covid-19 đã giảm 20%. Theo đó, mức tiêu thụ thủy sản bình quân của Trung Quốc năm 2020 ở mức 26,4 kg/người, giảm so với mức 32,8 kg/người vào năm 2019. Tuy nhiên, tiêu thụ thủy sản trong tổng tỷ trọng tiêu thụ protein động vật tăng từ 23% lên 30% do tiêu thụ thịt lợn và thịt bò của người tiêu dùng Trung Quốc giảm nhiều hơn.

Trong đó, tôm và cá tra chế biến ngày càng phù hợp với lối sống bận rộn của người tiêu dùng Trung Quốc. Trong khi các loại hải sản cao cấp như: tôm hùm, cá răng, cá hồi và cua hoàng đế vẫn chủ yếu được tiêu thụ trong các khách sạn và nhà hàng.

Ăc-hen-ti-na: Theo Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Đánh cá Ăc-hen-ti-na, sản lượng tôm đỏ đánh bắt của nước này tháng 9/2021 đạt 21.485 tấn, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước. Từ ngày 1-6/10/2021, sản lượng tôm đánh bắt của nước này đạt khoảng 1.142 tấn, chỉ chiếm 5% tổng sản lượng cập bến trong tháng 10/2020,

Ê-cu-a-đo: Giá tôm nguyên liệu của Ê-cu-a-đo trong tuần 41 (từ 4 – 10/10/2021) tiếp tục ổn định so với những tuần trước đó. Giá tôm chân trắng nguyên liệu đạt 6,40 USD/kg với cỡ 20/30 con, 5,95 USD/kg với cỡ 30/40, 5,55 USD/kg với cỡ 40/50, 5,05 USD/kg với cỡ 50/60, 4,65 USD/kg với cỡ 60/70, 4 USD/kg với cỡ 70/80, 3,50 USD/kg với cỡ 80/100, 2,70 USD/kg với cỡ 100/120 và 2 USD/kg với cỡ 120/140 USD/kg.



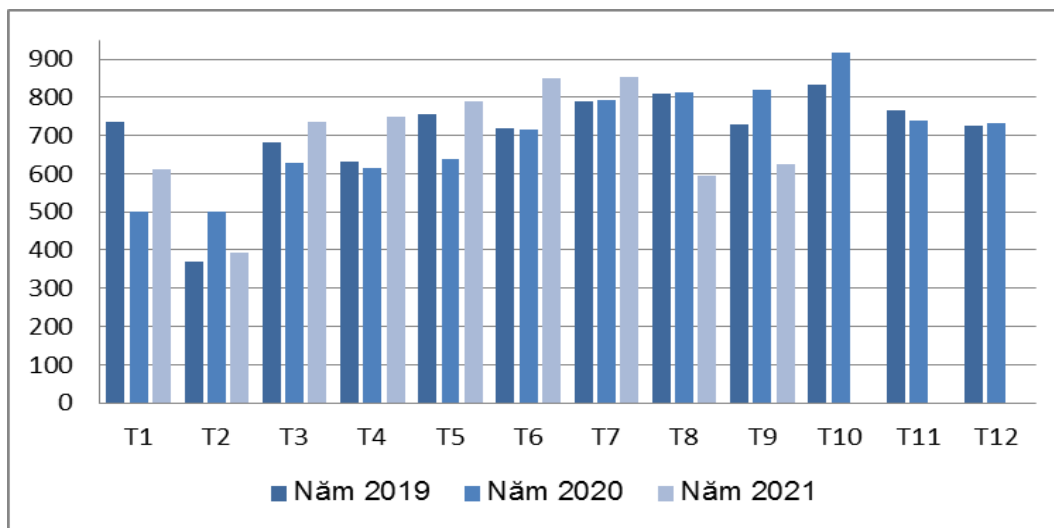
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN THÁNG 9/2021

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 9/2021 đạt 624,35 triệu USD, tăng 4,9% so với tháng 8/2021, nhưng giảm 23,9% so với tháng 9/2020. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đã có dấu hiệu cải thiện kể từ cuối tháng

9/2021 khi tình hình dịch bệnh tại các tỉnh phía Nam dần được kiểm soát và các địa phương nới lỏng giãn cách xã hội. Tính chung 9 tháng năm 2021, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 6,2 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2019 – 2021

ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tháng 9/2021, do tác động của dịch Covid-19, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn đều giảm so với tháng 9/2020, trừ xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tăng nhẹ. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu đã có dấu hiệu cải thiện khi xuất khẩu sang nhiều thị trường đã tăng so với

tháng 8/2021 như: Hàn Quốc, Anh, ASEAN, Ca-na-đa, Hà Lan và Đức...

Trong 9 tháng năm 2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ, Thái Lan, Úc, Nga, Ý... tăng, trong khi xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Anh, Ca-na-đa... giảm.

Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 9 và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2021 (%)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Tổng	624.355	4,9	-23,9	6.188.655	2,7
Hoa Kỳ	158.019	1,0	2,6	1.454.347	23,8
Nhật Bản	74.603	-3,9	-36,9	953.885	-7,5
Trung Quốc	67.210	-5,4	-51,4	655.049	-21,8
Hàn Quốc	64.844	20,3	-3,3	556.531	-0,3
Anh	24.355	15,4	-34,8	230.047	-10,9
Thái Lan	19.752	12,7	-26,7	190.803	8,0
Ca-na-đa	19.373	15,6	-41,9	187.328	-2,0
Úc	15.037	7,9	-40,0	180.780	22,5
Hà Lan	13.822	5,0	-31,3	150.953	-6,4
Đức	15.466	42,9	-17,7	139.609	7,0
Nga	12.045	-2,4	-16,6	126.693	42,1
Hồng Kông	10.313	-11,6	-57,7	103.286	-9,2
Bỉ	12.666	50,9	-5,1	92.715	-4,3
Ý	4.816	-25,3	-63,1	85.913	30,2
Ma-lai-xi-a	7.854	-12,2	-21,3	85.083	3,6
Thị trường khác	104.180	9,4	-1,6	995.633	9,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Để hỗ trợ các doanh nghiệp khôi phục và phát triển sản xuất, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 128/NQ-CP quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Trong đó phân ra 4 cấp độ dịch. Ở mọi cấp độ, các doanh nghiệp đều có thể hoạt động theo khuôn khổ quy định. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương cũng đang nỗ lực cùng

các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây sẽ là yếu tố hỗ trợ ngành thủy sản tận dụng cơ hội thị trường khi nhu cầu từ các thị trường lớn có xu hướng tăng mạnh nhằm phục vụ tiêu dùng cuối năm. Do đó, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ phục hồi trong quý cuối cùng của năm 2021.



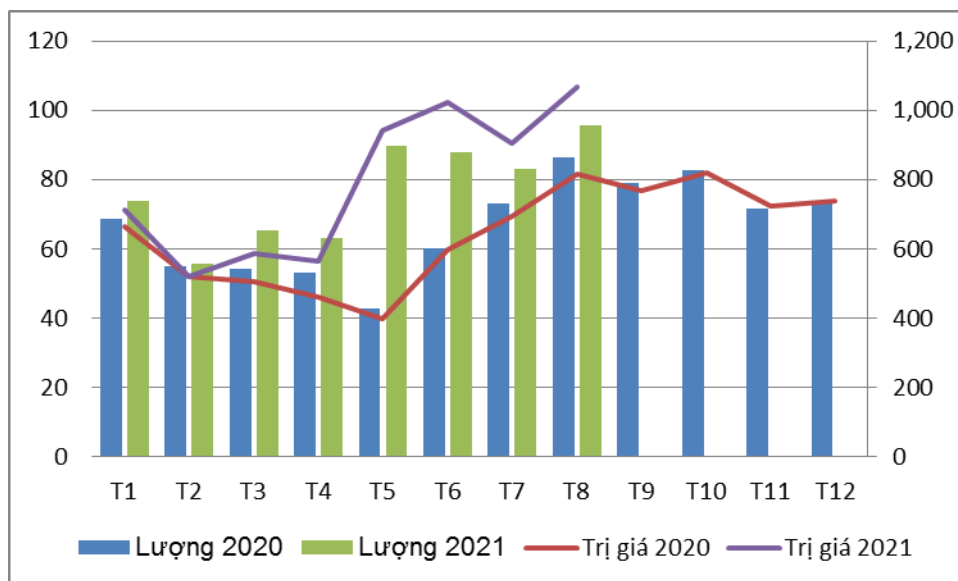
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU TÔM HOA KỲ VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của NMFS, tháng 8/2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 95,78 nghìn tấn, trị giá 1,07 tỷ USD, tăng 10,8% về lượng và tăng 30,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng

đầu năm 2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 614,53 nghìn tấn, trị giá 6,32 tỷ USD, tăng 24,5% về lượng và tăng 35,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ năm 2020 – 2021

ĐVT: Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD

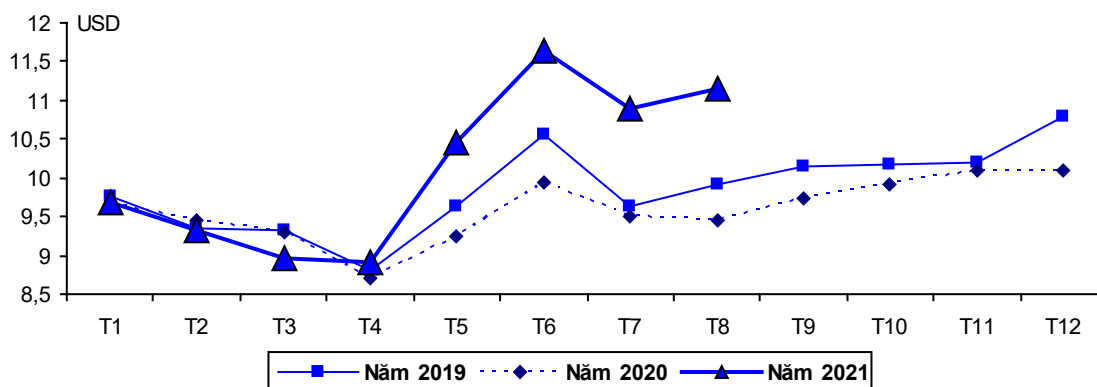


Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

Tháng 8/2021, giá tôm nhập khẩu của Hoa Kỳ với tháng 7/2021 và tăng 1,69 USD/kg so với cùng kỳ trung bình ở mức 11,15 USD/kg, tăng 0,25 USD/kg so năm 2020.

Giá nhập khẩu trung bình tôm vào Mỹ năm 2019 – 2021

ĐVT: USD/kg



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

Tháng 8/2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ thị trường Ấn Độ, Ca-na-đa và Việt Nam tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu từ thị trường In-đô-nê-xi-a giảm. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ hầu hết các thị trường cung cấp lớn tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ nhập khẩu từ Mê-hi-cô và Trung Quốc giảm.

Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn thứ 5 về lượng và thứ 3 về trị giá cho Hoa Kỳ trong tháng

8/2021, đạt 12,9 nghìn tấn, trị giá 146,4 triệu USD, tăng 60,1% về lượng và tăng 65,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ thị trường Việt Nam đạt 54,1 nghìn tấn, trị giá 566,7 triệu USD, tăng 57,3% về lượng và tăng 81,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần tôm Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 7,3% trong 8 tháng đầu năm 2020, lên 8,8% trong 8 tháng đầu năm 2021.

Thị trường cung cấp tôm cho Hoa Kỳ tháng 8 và 8 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 8/2021		So với tháng 8/2020 (%)		8 tháng năm 2021		So với 8 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	8 tháng 2021	8 tháng 2020
Tổng	95.788	1.068.033	10,8	30,7	614.530	6.318.904	24,5	35,8	100,0	100,0
Ấn Độ	36.773	323.460	16,1	18,2	209.986	1.786.707	25,5	24,5	34,2	33,9
Ca-na-đa	4.895	194.889	48,1	104,1	38.484	1.224.193	31,9	98,6	6,3	5,9
In-đô-nê-xi-a	14.111	122.625	-6,8	-10,3	114.468	995.918	9,3	9,6	18,6	21,2
Ê-cu-a-đo	16.496	133.060	0,1	31,3	124.563	882.117	57,3	81,7	20,3	16,0
Việt Nam	12.952	146.437	60,1	65,6	54.103	566.752	49,2	46,6	8,8	7,3
Thái Lan	4.620	53.384	7,9	12,1	24.118	268.255	-0,5	0,1	3,9	4,9
Mê-hi-cô	782	8.513	-55,3	-41,5	10.144	119.554	-18,2	-11,5	1,7	2,5
Ăc-hen-ti-na	1.033	11.902	-22,7	-23,1	9.967	109.806	5,2	5	1,6	1,9
Bra-xin	302	16.127	-1	65,9	840	40.332	31,5	87,7	0,1	0,1
Trung Quốc	1.301	6.065	22,1	4,8	7.803	40.033	-15,4	-18,5	1,3	1,9
Thị trường khác	2.523	51.571	-16,6	81,7	20.054	285.237	-4,3	17,6	3,3	4,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Để giảm thiểu các vấn đề về chuỗi cung ứng toàn cầu và chi phí vận chuyển tăng, IKEA tập đoàn nội thất lớn của Thụy Điển có kế hoạch chuyển nhiều hoạt động sản xuất hơn sang Thổ Nhĩ Kỳ.
- ▶ Xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ý trong nửa đầu năm 2021 đạt 3,2 tỷ USD, tăng 61,2% so với cùng kỳ năm 2020.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ.
- ▶ Trong 9 tháng năm 2021, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 11,11 tỷ USD, tăng 30,6% so với cùng kỳ năm 2020.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Thụy Điển: Theo nguồn Wood365.cn, kể từ khi đại dịch bùng phát, chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề, cộng với hàng loạt tác động do Brexit, hiện hầu hết các sản phẩm thuộc tập đoàn nội thất IKEA của Thụy Điển đang phải đối mặt với tình trạng khan hiếm hàng. Để giảm thiểu các vấn đề về chuỗi cung ứng toàn cầu và chi phí vận chuyển tăng, IKEA có kế hoạch chuyển nhiều hoạt động sản xuất hơn sang Thổ Nhĩ Kỳ.

Kể từ khi dịch bệnh Covid-19 mới bùng phát vào năm 2020, giá một container từ Đông Á đã tăng từ 2.000 USD lên 12.000 USD, điều này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của nhà sản xuất. Đối mặt với vấn đề vận chuyển trong đợt đại dịch mới, IKEA đang cố gắng tăng cường sản xuất ở Thổ Nhĩ Kỳ, với mục đích sản xuất gần nơi bán để đảm bảo an toàn cho chuỗi cung ứng.

Thổ Nhĩ Kỳ là nơi nối liền châu Âu và châu Á, với vị trí địa lý thuận lợi nên Thổ Nhĩ Kỳ hưởng lợi từ những thay đổi trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, sự biến động của đồng tiền Thổ Nhĩ Kỳ vẫn là một thách thức lớn đối với công ty sản xuất. Gần đây, tỷ giá đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ đã giảm hơn một nghìn điểm xuống mức thấp kỷ lục và lãi suất cao, đẩy chi phí của các nhà đầu tư lên cao. Hiện tại, IKEA đang sử dụng các hợp đồng bảo hiểm rủi ro từ 3 đến 6 tháng để bù đắp biến động tỷ giá hối đoái.

Ý: Theo nguồn mordorintelligence.com, ngành công nghiệp đồ nội thất bằng gỗ của Ý đóng một phần quan trọng trong nền kinh tế Ý. Ý là một trong những nước xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 4 trên thế giới. Ngành công nghiệp đồ nội thất bằng gỗ của Ý đi đầu trong việc thiết kế sản xuất và kiểu dáng sản phẩm trên toàn cầu. Xuất khẩu hiện chiếm gần 58% tỷ trọng trong tổng sản lượng đồ nội thất bằng gỗ của cả nước. Ý xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chủ yếu tới các thị trường như Pháp, Đức, Hoa Kỳ và Canada.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ý trong giai đoạn năm 2016 – 2020 có tốc độ bình quân giảm 0,2%/năm. Trong năm 2020 do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất đồ nội thất bằng gỗ của Ý bị gián đoạn. Vì vậy, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ý đạt 5,1 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm 2019, giảm 1,2% so với năm 2016. Đáng chú ý, sang đến năm 2021, tình hình dịch bệnh tại Ý và khu vực EU dần được kiểm soát nên nhu cầu tăng mạnh sau thời gian giãn cách, hoạt động xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ý trong nửa đầu năm 2021 đạt 3,2 tỷ USD, tăng 61,2% so với cùng kỳ năm 2020. Đồ nội thất bằng gỗ của Ý trong nửa đầu năm 2021 xuất khẩu chủ yếu tới các thị trường chính như: Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Anh, Trung Quốc...



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

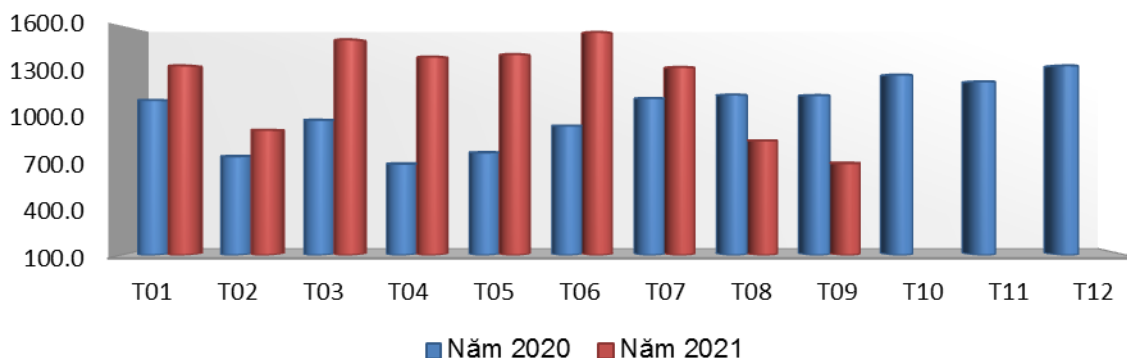
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 9/2021 đạt 701 triệu USD, giảm 39,5% so với tháng 9/2020. Trong đó xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 422 triệu USD, giảm 54,8% so với tháng 9/2020. Trong 9 tháng năm 2021, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 11,11 tỷ USD, tăng 30,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 8,4 tỷ USD, tăng 31,3%

so với cùng kỳ năm 2020.

Sau 3 tháng trải qua khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, doanh nghiệp ngành gỗ đang khôi phục lại chuỗi cung ứng và lấy lại đà tăng trưởng trong những tháng cuối năm 2021 nhờ việc Chính phủ mở cửa cho hoạt động sản xuất đúng vào thời điểm thị trường nội thất đang rất sôi động.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ qua các tháng năm 2020 – 2021

(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 9 tháng năm 2021, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hoa Kỳ đạt cao nhất và có tốc độ tăng trưởng nhanh, đạt 6,7 tỷ USD, tăng 40,6% so với cùng kỳ năm 2020. Thuận lợi cho ngành gỗ khi thoả thuận về kiểm soát khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã được ký kết. Theo đó vụ Điều tra 301 chính thức khép lại, không gây bất lợi cho việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường Hoa Kỳ. Điều này sẽ góp phần

nâng cao uy tín, chất lượng và các sản phẩm gỗ của Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ.

Ngoài ra, trong 9 tháng năm 2021 gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới các thị trường khác cũng tăng trưởng khả quan như: xuất khẩu tới Trung Quốc đạt 1,13 tỷ USD, tăng 23,4%; Nhật Bản đạt 1 tỷ USD, tăng 11,3%; Hàn Quốc đạt 653 triệu USD, tăng 10,7%; Anh đạt 199 triệu USD, tăng 23,8%...

Thị trường gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tháng 9 và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021 (Triệu USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Triệu USD)	So với 9 tháng 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	701	-39,5	11.110	30,6	100,0	100,0
Hoa Kỳ	350	-51,7	6.689	40,6	60,2	55,9
Trung Quốc	106	17,7	1.126	23,4	10,1	10,7
Nhật Bản	103	-5,7	1.032	11,3	9,3	10,9
Hàn Quốc	50	-23,2	653	10,7	5,9	6,9
Anh	11	-50,6	199	23,8	1,8	1,9
Ca-na-đa	10	-55,3	179	21,7	1,6	1,7
Úc	10	-44,9	119	2,4	1,1	1,4
Đức	6	-15,9	91	11,7	0,8	1,0
Ma-lai-xi-a	11	44,6	86	70,9	0,8	0,6
Pháp	3	-60,1	85	11,1	0,8	0,9
Thị trường khác	42	-52,0	851	23,6	7,7	8,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

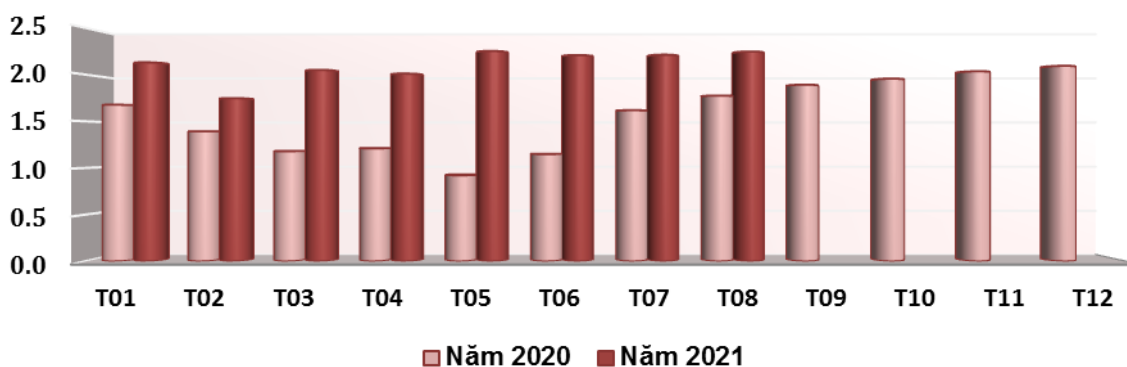


DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA HOA KỲ VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC), tháng 8/2021 Hoa Kỳ nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 2,25 tỷ USD, tăng 26,6% so với tháng 8/2020. Trong 8 tháng

đầu năm 2021, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 16,85 tỷ USD, tăng 54,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hoa Kỳ nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường qua các tháng năm 2020 – 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ

Hoa Kỳ nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ nhiều nhất từ thị trường Việt Nam trong 9 tháng năm 2021, đạt 6,8 tỷ USD, tăng 73,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 40,6% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ, tăng 4,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020. Triển vọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang Hoa Kỳ rất khả quan, theo đại diện Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (AmCham), các nhà bán lẻ Hoa Kỳ chịu

tác động tiêu cực khi Việt Nam áp dụng giãn cách xã hội kéo dài. Tuy nhiên, sức mua của thị trường Hoa Kỳ với các sản phẩm gỗ Việt Nam, đặc biệt là đồ nội thất bằng gỗ sẽ tiếp tục tăng trong năm 2022 – 2023.

Ngoài ra, trong 8 tháng đầu năm 2021 Hoa Kỳ cũng nhập khẩu nhiều đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường như: Trung Quốc, Mê-hi-cô, Ma-lai-xi-a, Ca-na-đa... Trong đó, Hoa Kỳ tăng tỷ trọng nhập khẩu từ thị trường Mê-hi-cô, Ý, Ấn Độ, Thái Lan và Ba Lan.

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Hoa Kỳ trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 8/2021 (nghìn USD)	So với tháng 8/2020 (%)	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 8 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	2.245.750	26,6	16.852.318	54,3	100,0	100,0
Việt Nam	986.037	49,9	6.838.782	73,3	40,6	36,1
Trung Quốc	445.180	9,2	3.419.437	37,4	20,3	22,8
Mê-hi-cô	158.918	56,4	1.085.670	67,0	6,4	6,0
Ma-lai-xi-a	79.715	-43,4	1.077.809	38,9	6,4	7,1
Ca-na-đa	116.249	6,9	929.695	13,0	5,5	7,5
In-đô-nê-xi-a	81.278	31,2	688.715	44,8	4,1	4,4
Ý	91.748	25,2	649.876	61,5	3,9	3,7
Ấn Độ	41.014	70,0	311.430	79,4	1,8	1,6
Thái Lan	36.971	31,5	272.651	71,7	1,6	1,5
Ba Lan	26.169	-1,3	238.045	61,6	1,4	1,3
Thị trường khác	182.471	26,7	1.340.210	52,1	8,0	8,1

Nguồn: Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ

Mặt hàng nhập khẩu

Hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Hoa Kỳ nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2021 đều có trị giá tăng mạnh. Dẫn đầu là mặt hàng ghế khung gỗ đạt 6,2 tỷ USD, tăng 70,8% so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam và Trung Quốc là 2 thị trường cung cấp chính mặt hàng này cho Hoa Kỳ, với trị giá chiếm 73,8% tổng trị giá nhập khẩu ghế khung gỗ của Hoa Kỳ.

Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 5,4 tỷ USD, tăng 51% so với cùng kỳ năm 2020; Đồ nội thất phòng ngủ đạt 3,2 tỷ USD, tăng 47,6%; Đồ nội thất nhà bếp đạt 1,5 tỷ USD, tăng 39,8%; Đồ nội thất văn phòng đạt 592,3 triệu USD, tăng 17,6%.

Hoa Kỳ nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng (mã HS)	Tên hàng	Tháng 8/2021 (nghìn USD)	So với tháng 8/2020 (%)	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 8 tháng (%)	
						Năm 2021	Năm 2020
Tổng		2.245.750	26,6	16.852.318	54,3	100,0	100,0
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	841.791	41,6	6.212.365	70,8	36,9	33,3
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	735.101	27,7	5.371.986	51,0	31,9	32,6
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	393.653	15,8	3.165.280	47,6	18,8	19,6
940340	Đồ nội thất nhà bếp	204.169	8,9	1.510.395	39,8	9,0	9,9
940330	Đồ nội thất văn phòng	71.036	-7,8	592.292	17,6	3,5	4,6

Nguồn: Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ

CẢNH BÁO CỦA EU

ĐỐI VỚI SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM DO VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM THÁNG 9/2021

Trong tháng 9/2021, Văn phòng SPS Việt Nam đã nhận được 02 cảnh báo về an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của Liên minh Châu Âu đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam do vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm. Cụ thể:

1. Cảnh báo số 2021.4784 ngày 02/9/2021

Sản phẩm: Đùi ếch đông lạnh;

Biện pháp thực hiện: Pháp thu hồi sản phẩm trên thị trường; Thụy Sĩ tiêu hủy sản phẩm;

Lô hàng số: G2100406 đóng gói bởi Maison GrandJean tương ứng với lô hàng số MP00755 của nhà cung cấp (SABAROT);

Khối lượng: không xác định;

Mối nguy: do chứa chất cấm nitrofurans (furazolidone) mức dư lượng: 17 µg/kg ppb;

Mức độ rủi ro: Nghiêm trọng.

2. Cảnh báo số 2021.4761 ngày 06/9/2021

Sản phẩm: Bưởi;

Biện pháp thực hiện: Na Uy thu hồi sản phẩm trên thị trường;

Lô hàng số: 32/1;

Khối lượng: 7,1 kg;

Mối nguy: Do chứa chất cấm propargite 0,23 ppm và fenobucarb 0,032 ppm, mức dư lượng cho phép theo Chỉ thị số 91/414/EEC cho 2 chất trên ở mức 0,01 ppm;

Mức độ rủi ro: Không xác định.

• Thông tin về các hoạt chất trên như sau:

Nitrofurans là một nhóm thuốc thường được sử dụng làm thuốc kháng sinh hoặc thuốc kháng vi sinh vật, thành phần cấu trúc xác định là một vòng furan với nhóm nitro. Theo quy định của EU số 37/2010 ngày 22/12/2009 hoạt chất Nitrofurans (bao gồm furazolidone) là chất cấm không được phép sử dụng, có mức dư lượng tối đa (MRLs) bằng không.

Propargite là thuốc trừ sâu thường được sử dụng để trừ nhện, theo Thông tư số 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cấp phép trên 10 thương phẩm. Theo quy định của EU số 2018/832 ngày 05/6/2018 ở mức dư lượng (MRLs) từ 0,014 ppm tùy theo từng loại sản phẩm, riêng đối với cam quy định ở mức cao nhất 4 ppm.

Fenobucarb là thuốc trừ sâu thường được sử dụng để diệt rầy nâu, sâu quốn lá, đục thân..., theo Thông tư số 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cấp phép trên 60 thương phẩm. Theo quy định của chỉ thị số 91/414/EEC mức dư lượng tối đa trên sản phẩm này là 0,01 ppm.

Cũng trong tháng 9/2021 trên hệ thống Cảnh báo An toàn Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi của Liên minh Châu Âu (RASFF) có tổng số 386 cảnh báo đối với lô hàng của các quốc gia nhập khẩu hoặc lưu thông trên thị trường EU vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm, trong đó các vi phạm về ô nhiễm vi sinh vật: 84; mức dư lượng thuốc BVTV: 72, độc tố nấm mốc: 30, dư lượng thuốc thú y: 5 và những vi phạm khác.

Vi vậy, các doanh nghiệp cần lưu ý tuân thủ nghiêm túc các quy định của thị trường nhập khẩu, đảm bảo không bị cảnh báo vi phạm, tránh ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp.

Đối với các sản phẩm thủy sản cần kiểm soát, quản lý và sử dụng đúng quy định về chất lượng thức ăn chăn nuôi trong nuôi trồng thủy sản và kiểm soát chặt chẽ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình sơ chế, chế biến.

Đối với các sản phẩm trái cây cần kiểm soát, quản lý và sử dụng đúng quy định về hoá chất bảo vệ thực vật, kiểm soát chặt chẽ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình sơ chế, đóng gói...

HOA KỲ DỰ THẢO THIẾT LẬP DUNG SAI ĐỐI VỚI DƯ LƯỢNG METALAXYL TRONG HOẶC TRÊN HẠT TIÊU ĐEN

Ngày 28/9/2021, Văn phòng SPS Việt Nam nhận được thông báo số G/SPS/N/USA/3282 của Hoa Kỳ về dự thảo mức dư lượng giới hạn metalaxyl trong hoặc trên hạt tiêu đen. Cụ thể:

Dự thảo thiết lập dung sai đối với dư lượng metalaxyl trong hoặc trên hạt tiêu đen ở mức 0,3 ppm, theo thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định mức dư lượng trên các loại gia vị hạt ở mức 5 ppm.

Văn phòng SPS Việt Nam đề nghị các cơ quan và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có sản phẩm xuất khẩu liên quan nghiên cứu và góp ý cho dự thảo nêu trên.

Thông tin góp ý (nếu có) gửi về Văn phòng SPS Việt Nam trước ngày **28/11/2021**.

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội;

Điện thoại: 024 37344764;

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.